

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU

Địa chỉ: 70-72 Đường Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau

Website: [www.tncm.com.vn](http://www.tncm.com.vn)

# CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU



# 2019

## BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



# MỤC LỤC

1

**05**

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG

2

**21**

CHƯƠNG II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG  
TRONG NĂM 2019

3

**41**

CHƯƠNG III

BÁO CÁO CỦA  
BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

4

**53**

CHƯƠNG IV

ĐÁNH GIÁ CỦA  
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

5

**59**

CHƯƠNG V

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

**73**

CHƯƠNG VI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
KIỂM TOÁN NĂM 2019

# THÔNG TIN CHUNG

## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

## CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC

## NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

## CÁC RỦI RO



## THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên công ty	CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU
Tên viết tắt	CAMEX
Giấy CNĐKDN số	Số 2000110221 đăng ký thay đổi lần thứ 17 ngày 10/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp (cấp lần đầu theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6103000105 ngày 01/12/2007)
Vốn điều lệ	121.039.120.000 đồng
Địa chỉ trụ sở chính	70 - 72 Đề Thám, Phường 2, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
Số điện thoại - Số Fax	(0290) 3822847
Website	www.tncm.com.vn
Email	info@tncm.com.vn
Mã cổ phiếu	CMV





## QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

Tiền thân của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau là Công ty Bách hóa Tổng hợp thị xã Cà Mau được thành lập từ những năm 1980.

Ngày 10/10/1992, Doanh nghiệp Nhà nước Công ty Thương Nghiệp Cà Mau được thành lập, với nguồn vốn ban đầu là 2,51 tỷ đồng.

Công ty tăng vốn điều lệ từ 70 tỷ đồng lên 80,499 tỷ đồng thông qua phương án phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu và cho cán bộ công nhân viên.

Phát hành cổ phiếu thưởng 12% cho cổ đông hiện hữu. Phát hành ESOP cho cán bộ công nhân viên tỷ lệ 5%. Phát hành cổ phiếu trả cổ tức năm 2011 với tỷ lệ 8%. Vốn điều lệ tăng từ 80,499 tỷ đồng lên 121,039 tỷ đồng.

Ngày 19/10/2017, SCIC thoái vốn thành công 36,63% vốn sở hữu Nhà nước tại Công ty.

Từ năm 2019 đến nay, Ban Lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty vẫn tiếp tục phát huy những thành tựu đã đạt được, tập trung phát triển mảng kinh doanh chính như: bán hàng bách hóa, kinh doanh xăng dầu,... mang lại nguồn thu ổn định cho Công ty và đảm bảo thu nhập cho người lao động.

1980

1987  
1996

1992

2007

2009

2010

2012

2016

2017

2018

2019  
Nay

Công ty tiếp nhận thêm 05 doanh nghiệp nhà nước gồm: Công ty Nông sản thực phẩm thị xã Cà Mau (4/1987), Công ty Xuất Nhập khẩu thị xã (2/1988), Công ty Dịch vụ ăn uống (4/1990), Công ty Vật tư tổng hợp (8/1990) và Công ty Dịch vụ Phát thanh Truyền hình Minh Hải (6/1996).

Thực hiện chủ trương cổ phần hóa doanh

nghiệp, UBND tỉnh Cà Mau đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UB ngày 06/02/2007 về việc cổ phần hóa Công ty Thương Nghiệp Cà Mau.

Ngày 14/09/2007, phương án cổ phần hóa đã được phê duyệt theo Quyết định số 637/QĐ-UBND của UBND tỉnh Cà Mau.

Ngày 28/11/2007, Công ty đã tiến hành Đại hội đồng cổ đông thành lập Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau (CAMEX). Ngày 01/12/2007, Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau chính thức đi vào hoạt động.

Phát hành cổ phiếu trả cổ tức đợt 2 năm 2009 tỷ lệ 19%. Ngày 21/06/2010, Cổ phiếu CTCP Thương nghiệp Cà Mau được chính thức giao dịch trên sàn HOSE với mã cổ phiếu là CMV.

Ngày 01/01/2016, Công ty thành lập Cửa hàng Điện Máy Lê Lợi.

Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Hưng Long nhận chuyển nhượng cổ phiếu có quyền biểu quyết dẫn đến việc sở hữu từ 25% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau mà không cần chào mua công khai





## CÁC GIẢI THƯỞNG ĐẠT ĐƯỢC















### Sau hơn 30 năm thành lập, Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đã đạt những thành tích xuất sắc và giải thưởng tiêu biểu như:

- Huân chương độc lập hạng 3 năm 2007.
- Trong những năm 2005, 2007, 2008, 2009 Công ty được Thủ tướng Chính phủ trao tặng cờ thi đua về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua.
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích dẫn đầu phong trào thi đua và hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ liên tục từ năm 2003 đến năm 2010.
- Top 1.000 doanh nghiệp đóng thuế thu nhập nhiều nhất năm 2012, 2013.
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2006, 2008 (Top 200 Thương hiệu Việt Nam).
- Giải thưởng Sao vàng đất Việt năm 2009, 2010, 2011, 2012, 2013 và năm 2015 (Top 100 Thương hiệu Việt Nam).
- Bằng khen ngày 27/01/2014 của Hội khuyến học TP. Cà Mau tặng Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đơn vị đã nhiều năm liền hỗ trợ cho quỹ trợ cấp sinh viên vượt khó hiếu học của Phường 8, TP. Cà Mau.
- Bằng khen của UBND tỉnh Cà Mau ngày 13/02/2014 về thành tích xuất sắc trong công tác quản lý, vận động quỹ Đền ơn đáp nghĩa năm 2013.
- Bằng khen Số 625/QĐ-UBND ngày 23/04/2014 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua, góp phần thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội thành phố Cà Mau (1999 - 2014).
- Quyết định 817/QĐ-UBND ngày 30/05/2014 Của UBND tỉnh Cà Mau về việc tặng cờ thi đua khối XIV (hạng nhì).
- Quyết định số 43/QĐ-BHXH ngày 15/01/2015 của BHXH Việt Nam về thành tích "Thực hiện tốt chính sách BHXH, BHYT năm 2014".
- Quyết định số 823/QĐ-UBND ngày 18/06/2015 của UBND tỉnh Cà Mau về thành tích "Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ nộp ngân sách Nhà nước năm 2014".
- Với những thành tích đáng ghi nhận trong hoạt động kinh doanh, liên tiếp trong 4 năm liền 2016, 2017, 2018 và 2019, Công ty đã được vinh dự xếp hạng trong TOP 500 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam và TOP 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam do Công ty cổ phần Báo Cáo Đánh giá Việt Nam (Vietnam Report) phối hợp với Báo Vietnamnet phát hành.
- Quyết định số 405/QĐ-UBND ngày 13/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau khen thưởng thành tích xuất sắc trong công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng năm 2018.
- Quyết định số 50/QĐ-UBND ngày 15/01/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau tặng Bằng khen cho đơn vị có thành tích tích cực đóng góp, hỗ trợ kinh phí thực hiện các chương trình an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh Cà Mau năm 2018.
- Quyết định số 1296/QĐ-BCT ngày 20/5/2019 của Bộ Công thương về việc tặng thưởng Bằng khen đã có thành tích xuất sắc trong công tác tham gia, tổ chức thực hiện Chương trình hành động của Bộ Công thương hưởng ứng cuộc Vận động "Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam" giai đoạn 2009 - 2019.



## NGÀNH NGHỀ, ĐỊA BÀN KINH DOANH

### NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

-  Kinh doanh Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí dầu mỏ hóa lỏng và vỏ bình ga. Bán buôn máy móc, thiết bị, phụ tùng máy văn phòng.
-  Thi công các công trình. Đầu tư xây dựng khu đô thị mới, khu dân cư và cơ sở hạ tầng khác.
-  Bán buôn hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, nước giải khát.
-  Bán buôn thuốc lá điếu các loại.
-  Bán buôn hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại.
-  Bán buôn hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy.
-  Bán buôn sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng, băng đĩa hình. Hàng may mặc, dày dép.
-  Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống.
-  Dịch vụ ăn uống, thực phẩm các loại.
-  Mua bán vật liệu xây dựng.
-  Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa, đường bộ; san lấp mặt bằng.
-  Trồng lúa, trồng rau, trồng hoa, cây cảnh và các cây ăn quả, cây lâu năm.



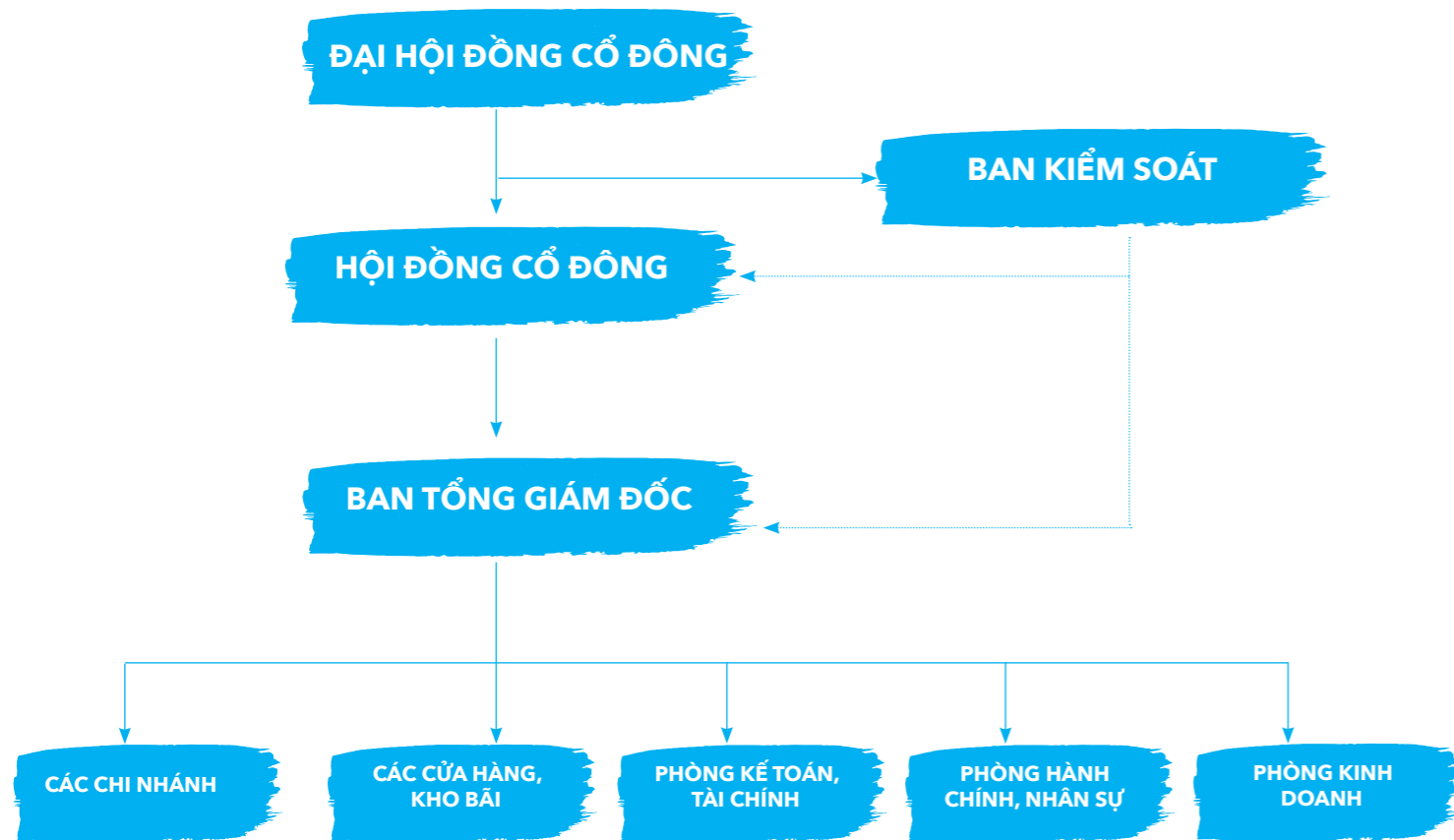
### ĐỊA BÀN KINH DOANH

Chủ yếu hoạt động tại Đồng Bằng Sông Cửu Long, TP. Hồ Chí Minh.

Hiện nay doanh nghiệp đã có hơn 8 chi nhánh chính hoạt động trải đều khắp các huyện, thành phố trong tỉnh Cà Mau và các vùng lân cận như Bạc Liêu, Kiên Giang, Sóc Trăng, Đồng Tháp, Hậu Giang

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, Khu công nghiệp Trà Kha, phường 8, Thành phố Bạc Liêu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau - Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang	Quốc lộ 61, ấp 9, xã Vị Thẳng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Đồng Tháp	Số 494, Ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



### Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết của Công ty:

Tính đến thời điểm 31/12/2019 Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau đã có 02 Công ty con ở địa bàn 02 tỉnh Cà Mau và Bạc Liêu. Với chủ trương đa dạng hoá ngành nghề, đa dạng chủng loại hàng hoá, tận dụng các ưu thế về hệ thống phân phối sẵn có để tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận, Camex từng bước xem xét đầu tư thêm vào các lĩnh vực kinh doanh khác với mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận cho cổ đông và sự phát triển ổn định, bền vững.

#### Công ty TNHH một thành viên Bách Việt (100% vốn Camex):

- Địa chỉ: Số 232 đường Lý Văn Lâm, Phường 1, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại: (0290) 3383 1800
- Fax: (0290) 3383 1800
- Email: bachviet@tncm.com.vn
- Ngành nghề kinh doanh: kinh doanh hàng bách hóa, công nghệ thực phẩm.
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2019:

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Giá trị
1	Vốn điều lệ	Đồng	12.000.000.000
2	Tổng doanh thu	Đồng	347.896.118.646
3	Tổng giá vốn hàng bán	Đồng	333.803.534.561
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	3.842.753.921
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.062.300.003

#### Công ty Cổ Phần In Bạc Liêu (55,03% vốn Camex):

- Địa chỉ: 15 Hoàng Văn Thụ, phường 3, Thành phố Bạc Liêu
- Điện thoại: (0291) 3824419
- Fax: (0291) 3959590
- Ngành nghề kinh doanh: In ấn văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo tạp chí, tập san, tài liệu giảng dạy và học tập, in nhãn hiệu, quảng cáo, in các ấn phẩm có nhu cầu của nhân dân.
- Email: kinhdoanh.inbac Lieu@gmail.com
- Tóm tắt tình hình tài chính năm 2019:

STT	Khoản mục	Đơn vị tính	Giá trị
1	Vốn điều lệ	Đồng	9.977.800.000
2	Tổng doanh thu	Đồng	33.063.766.982
3	Tổng giá vốn hàng bán	Đồng	24.309.661.950
4	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	4.512.767.059
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	3.585.013.647

## ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

### Mục tiêu phát triển bền vững của Công ty

Với mục tiêu phát triển ổn định bền vững, tương xứng với vị thế và tiềm năng, nâng cao uy tín thương nghiệp của Công ty.

Mục tiêu chính giai đoạn 2020-2025 của Công ty: Mở rộng mạng lưới cửa hàng; Tăng độ phủ và tăng thị phần bán; Duy trì tốc độ tăng trưởng doanh thu hàng năm từ 5% đến 12%; Luôn đảm bảo tối đa hóa lợi nhuận cho nhà đầu tư và cổ đông; Nâng cao chất lượng đời sống của người lao động; Tăng cường quản trị nội bộ gia tăng tính minh bạch, hiệu quả trong mọi hoạt động kinh doanh.

### Chiến lược phát triển trung và dài hạn

#### Chiến lược ngắn hạn

Trước mắt, Công ty vẫn tập trung vào thị trường Cà Mau.

Với lĩnh vực xăng dầu, Công ty tiếp tục giữ vững thị phần bán buôn đồng thời phát triển nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, phát triển hệ thống đại lý bán lẻ đến các vùng sâu, vùng xa nhằm khai thác đặc thù của thị trường này, với mục tiêu mỗi năm mở thêm 1-2 cây xăng mới nằm trên các vị trí đắc địa, nhằm đáp ứng nhu cầu nhiên liệu ngày càng cao của tỉnh. Đối với kinh doanh bách hóa, Công ty đang mở rộng sang các tỉnh lân cận như Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tối đa tiềm năng của các tỉnh này, nâng cao chất lượng phục vụ các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của người tiêu dùng. Nỗ lực trở thành nhà phân phối chuyên nghiệp cho các nhãn hàng nổi tiếng trên thị trường các tỉnh Cà Mau, Kiên Giang, Bạc Liêu và Sóc Trăng.

#### Chiến lược dài hạn

Phát huy lợi thế chiến lược Đa dạng hoá để gia tăng lợi nhuận như: Kim khí điện máy, nông ngư cơ, vật liệu xây dựng, gia công chiết nạp gas... Xây dựng chiến lược mở rộng mạng lưới kinh doanh xăng dầu của Công ty phù hợp với đề án quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận. Và nâng cao uy tín thương hiệu trên thị trường Tây Nam Bộ.





## CÁC RỦI RO



### Rủi ro kinh tế

Các thông tin về môi trường kinh tế bao giờ cũng là cơ sở, là nguồn gốc của các hoạch định về chiến lược và kế hoạch kinh doanh của công ty. Theo kết quả số liệu từ Tổng cục thống kê, kinh tế Việt Nam kết thúc năm 2019 với nhiều con số ấn tượng, cụ thể tổng sản phẩm quốc nội (GDP) đạt mức tăng trưởng bình quân 7,02%, cùng với mức lạm phát chỉ là 2,79%. Các chỉ số này đều vượt mức kỳ vọng mà Quốc hội đặt ra mục tiêu cho năm nay. Việc tăng trưởng này là một thành công rất lớn trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang có xu hướng tăng trưởng chậm lại bởi căng thẳng từ cuộc chiến tranh thương mại Mỹ và Trung Quốc. Tăng trưởng kinh tế tích cực của Việt Nam năm 2019 là cơ sở quan trọng để thúc đẩy nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao. Từ đó, giúp hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp trong ngành bán lẻ hàng hóa phát triển. Tuy nhiên, tình hình kinh tế trong và ngoài nước luôn không cố định và biến động liên tục, tỷ giá không ổn định. Vì vậy, Công ty luôn coi trọng việc thu thập và theo dõi sát sao diễn biến thị trường kinh doanh, ảnh hưởng của biến động tỷ giá lên kết quả kinh doanh nhằm kịp thời đưa ra các đối sách linh hoạt theo tình hình kinh tế, các biện pháp tài chính và dự phòng rủi ro hạn chế tối đa rủi ro có thể xảy ra cho Công ty.

### Rủi ro pháp luật

Pháp luật là một yếu tố chi phối xuyên suốt quá trình hoạt động của tất cả doanh nghiệp, đặc biệt đối với các doanh nghiệp niêm yết như Camex. Một trong những hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là bán buôn xăng, dầu và khí dầu mỏ hóa lỏng phải chịu sự điều chỉnh của Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu 2005; Và mới nhất là Nghị định số 08/2018/NĐ-CP, sửa đổi một số Điều của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP ngày 03/09/2014 của Chính phủ về kinh doanh xăng dầu. Ngoài ra Công ty cũng chịu sự ràng buộc pháp lý bởi các Luật và văn bản dưới Luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, Luật Lao Động, Luật Thuế,... Do vậy, để đảm bảo cho hoạt động kinh doanh được hiệu quả, hoạt động tuân theo các quy định pháp luật, cập nhật và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh do sự thay đổi các Luật và văn bản dưới Luật trong tương lai, Ban Lãnh Đạo CMV chủ động cập nhật thông tin và linh hoạt điều chỉnh hoạt động của doanh nghiệp để tuân thủ theo tất cả các luật và qui định phù hợp.



## Rủi ro cạnh tranh

Một số Hiệp định thương mại tự do (FTA) quan trọng đã được triển khai như: Việt Nam - Hàn Quốc, Việt Nam - EU. Đặc biệt, Hiệp định Đối tác toàn diện và tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP) đã chính thức có hiệu lực vào ngày 14 tháng 01 năm 2019 tạo ra những tác động tích cực trong việc thúc đẩy đáng kể thương mại quốc tế giữa Việt Nam và các quốc gia khác trong khối. Theo đó, Việt Nam được đánh giá là một trong những thị trường bán lẻ năng động và hấp dẫn nhất trong khu vực Châu Á, các điều kiện để giới hạn đầu tư của các doanh nghiệp bán lẻ nước ngoài vào Việt Nam đang dần được dỡ bỏ, gia tăng áp lực cạnh tranh trên thị trường. Đây vừa là cơ hội và là thách thức mới cho Công ty.

Cụ thể, **trong lĩnh vực bách hóa**, công ty không những cạnh tranh trực tiếp với các nhà bán lẻ lớn trên thế giới đang tham gia vào thị trường Việt Nam mà còn cạnh tranh với các nhà phân phối trong nước như Coopmart, Bách hoá xanh, Trung tâm thương mại Vincom...

**Trong lĩnh vực kinh doanh điện máy**, công ty cạnh tranh trực tiếp với sự thâm nhập của chuỗi Điện máy xanh, Siêu thị Điện máy Chợ Lớn tại địa bàn tỉnh Cà Mau. Để vượt qua tình trạng này, Công ty đã có những hành động cụ thể để cải thiện năng lực cạnh tranh của mình như mở rộng chi nhánh sang các tỉnh lân cận như Bạc Liêu, Sóc Trăng, khai thác tiềm năng của các tỉnh này. Nghiên cứu xây dựng một khu thương mại với tổ hợp các khu mua sắm, nhà sách, vui chơi giải trí,... Bên cạnh đó, thu nhập và đời sống của người dân trong khu vực ngày càng được cải thiện, nhu cầu tiêu dùng cũng tăng theo, đó là điều kiện tốt để phát triển thị trường bán lẻ.

Ngoài ra, hình thức kinh doanh thương mại điện tử đã và đang thay đổi hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng, đây vừa là lợi thế công ty khi tiềm năng về độ phủ của hệ thống các cửa hàng, kho bãi, mạng lưới vận chuyển ở các tỉnh trung tâm và lân cận.

Đồng thời vừa là thách thức của công ty về đầu tư hạ tầng công nghệ để phát triển và cạnh tranh với các trang thương mại điện tử lớn của Việt Nam (Tiki, Lazada, Shopee,...) để giữ vững thị phần tại thị trường Tây Nam Bộ.

Trong lĩnh vực xăng dầu, vị trí cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty so với một số đối thủ cạnh tranh trên thị trường Cà Mau chưa được thuận lợi. Tuy nhiên, quy mô thị trường bán lẻ Cà Mau còn rất nhiều tiềm năng để khai thác, khi Cà Mau nằm trong vùng tứ giác đầu tư phát triển của Đồng bằng sông Cửu Long. Các dự án đầu tư lớn như cao tốc Cà Mau - Cần Thơ, cảng hàng không Cà Mau, quốc lộ 1A, khu công nghiệp Năm Căn ... kéo theo nhu cầu sử dụng nhiên liệu tăng cao. Cà Mau là khu vực tiềm năng để phát triển thủy hải sản, phát triển nhà máy chế biến thủy sản. Do đó gia tăng nhu cầu sử dụng nhiên liệu cho ghe xuồng - đặc biệt là dầu DO. Ngoài ra, xăng dầu là mặt hàng thiết yếu hiện chưa có sản phẩm thay thế hoàn toàn nên lượng sản phẩm tiêu thụ không thay đổi nhiều kể cả khi có biến động về giá. Vì vậy, nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh của mình, Công ty tiếp tục tập trung vào thị trường Cà Mau, chú trọng phát triển mảng bán buôn, nâng cao thị phần bán lẻ bằng cách mở rộng hệ thống các cửa hàng, cây xăng mới.

## Rủi ro đặc thù ngành

**Đối với lĩnh vực bán lẻ bách hóa & điện máy:** Là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực phân phối và bán lẻ, quản lý hàng tồn kho là vấn đề rất quan trọng. Đặc biệt, sản phẩm mà Công ty đang phân phối hiện nay chủ yếu là các thiết bị công nghệ. Đặc điểm của ngành hàng công nghệ là các nhà sản xuất thiết bị luôn chạy đua cải tiến và ra mắt sản phẩm mới hằng năm. Do đó, các hoạt động kinh doanh phân phối và bán lẻ của Công ty luôn chịu rủi ro từ việc giảm giá hàng tồn kho, chi phí lưu kho. Bên cạnh đó, lĩnh vực bách hóa còn chịu sự tác động trực tiếp theo mùa vụ, doanh thu và lợi nhuận có thể tăng đột biến trong các dịp cuối năm, lễ, Tết... Chính vì vậy, Công ty luôn có chính sách lưu trữ, phân bổ hàng tồn kho hợp lý, đưa ra các hình thức bán hàng, khuyến mãi, hoa hồng phù hợp nhằm đẩy mạnh hàng bán.

**Đối với lĩnh vực kinh doanh xăng, dầu:** Hiện tại, phần lớn lượng xăng dầu của thị trường Việt Nam đến từ nguồn cung nhập khẩu, do đó biến động giá mặt hàng này sẽ tác động lớn đến lợi nhuận của Camex. Có hai yếu tố chính ảnh hưởng đến giá nhập khẩu xăng, dầu là giá thị trường và tỷ giá hối đoái. Giá thị trường thì phụ thuộc vào nguồn cung xăng, dầu trên thế giới chủ yếu đến từ ba nhà cung cấp lớn là Hoa Kỳ, Liên Bang Nga và Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ (OPEC).

Trong năm 2019, nhìn chung giá dầu được duy trì ở mức ổn định và có xu hướng rẻ hơn so với năm 2018, điều này không làm ảnh hưởng quá lớn đến hoạt động của Camex.

Bên cạnh đó tỷ giá hối đoái cũng ảnh hưởng lớn đến giá đầu vào của sản phẩm, tuy nhiên năm 2019 đồng VND có xu hướng ổn định, không biến động quá nhiều so với đồng USD. Nhìn chung năm qua, giá xăng dầu đầu vào thấp hơn so với cùng kỳ năm 2018 và không ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy vậy, Camex vẫn luôn theo sát tình hình cung ứng của thế giới và tỷ giá hối đoái để chủ động kịp thời đề ra phương án kinh doanh hiệu quả nhất, không để bị động trong mọi trường hợp.

## Rủi ro khác

Rủi ro từ thiên tai, dịch bệnh ảnh hưởng tiêu cực đến thu nhập khả dụng của người tiêu dùng trên địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp. Doanh nghiệp tập trung hầu hết tại các tỉnh ven biển, với đặc điểm là vùng đất thấp, thường xuyên bị ngập nước và đón nhận nhiều cơn bão đổ bộ hàng năm. Bên cạnh đó, Công ty đa phần sử dụng đường thủy để vận chuyển hàng hóa, xăng dầu đến nơi tiêu thụ để tiết giảm chi phí nên việc thời tiết không thuận lợi cũng phần nào gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Chính vì vậy, Công ty cũng có những biện pháp để khắc phục, giảm bớt rủi ro như mua bảo hiểm cho tài sản, hàng hóa... và đặc biệt nghiêm túc tuân thủ các công tác phòng chống bão của địa phương, thường xuyên cập nhật thông tin để kịp thời ứng phó do vậy đã giảm thiểu được tối đa những thiệt hại không mong muốn.



# TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

TỔ CHỨC NHÂN SỰ

TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ ÁN

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

TÌNH HÌNH CỔ ĐÔNG

TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ  
CỘNG ĐỒNG



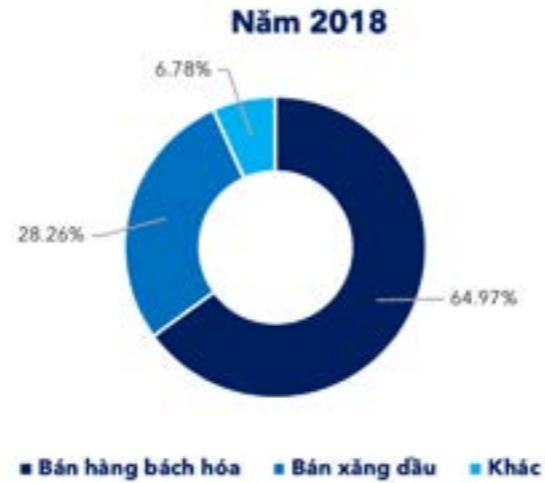


## TÌNH HÌNH SẢN XUẤT KINH DOANH

### Cơ cấu doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Doanh thu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2019/ Năm 2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Bán hàng bách hóa	3.025,48	64,97%	3.246,85	68,66%	107,32%
Bán hàng xăng dầu	1.315,81	28,26%	1.167	24,68%	88,69%
Khác	315,57	6,78%	314,93	6,66%	99,80%
<b>Tổng cộng</b>	<b>4.656,85</b>	<b>100,00%</b>	<b>4.728,78</b>	<b>100,00%</b>	<b>101,55%</b>



Tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2019 vẫn được duy trì ổn định. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt gần 4.730 tỷ đồng, tăng trưởng 1,55% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, Doanh thu mảng bách hóa chiếm tỷ trọng lớn nhất 69%, tiếp đến doanh thu mảng xăng dầu chiếm 24,7%, còn lại là doanh thu khác (điện máy, gas, cung cấp dịch vụ).

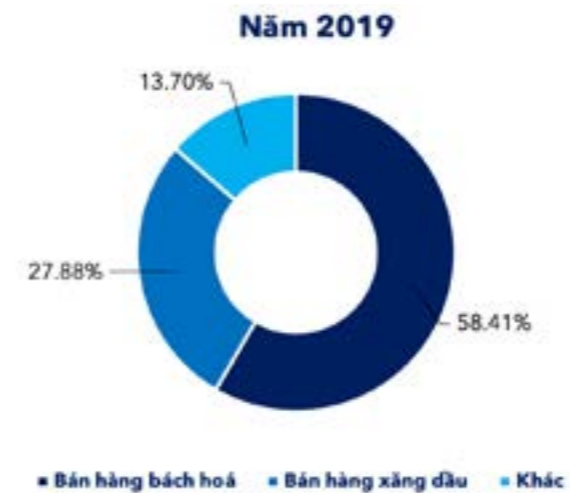
Doanh thu Camex có sự sụt giảm ở mảng kinh doanh xăng dầu từ 1.316 tỷ (2018) xuống 1.167 tỷ (2019), thay đổi 11,31% so với cùng kỳ năm 2018, bởi vì chính sách điều chỉnh liên tục giá xăng dầu trong nước để thích ứng với tình hình biến động địa chính trị ở các quốc gia xuất khẩu dầu gây khó khăn cho việc nhập nguyên liệu, và giá nguyên liệu đầu vào biến động mạnh. Đồng thời, tình hình bán lẻ xăng dầu đang cạnh tranh khốc liệt tại các địa phương với sự thâm nhập mạnh mẽ của các công ty xăng dầu lớn như PVOil, Petro-limex,... làm cho sản lượng tiêu thụ xăng dầu của công ty giảm 8,21% so với năm 2018.

Ở mảng doanh thu khác duy trì mức doanh thu gần 315 tỷ đồng, không thay đổi so với cùng kỳ năm 2018. Bên cạnh đó, tăng trưởng doanh thu ấn tượng ở mảng bách hóa từ 3.015 tỷ (2018) lên 3.247 tỷ (2019) hơn 7% so với cùng kỳ, góp phần vào tăng trưởng doanh thu thuần của tập đoàn.

### Cơ cấu lợi nhuận gộp (Hợp nhất)

Đơn vị tính: tỷ đồng

Lợi nhuận gộp	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2019/ Năm 2018
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Bán hàng bách hóa	99,89	54,22%	104,98	58,42%	105,1%
Bán hàng xăng dầu	60,63	32,91%	50,10	27,88%	82,64%
Khác	23,70	12,87%	24,61	13,69%	103,83%
<b>Tổng cộng</b>	<b>184,22</b>	<b>100,00%</b>	<b>179,7</b>	<b>100,00%</b>	<b>97,54%</b>



Trong năm, lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm nhẹ 2% so với năm 2018 Công ty vẫn duy trì năng suất lợi nhuận từ tăng trưởng doanh thu từ mảng bách hóa tăng 7,32%, kiểm soát tốt chất lượng hàng hoá giúp cho các khoản giảm trừ doanh thu do hàng bán bị trả lại giảm mạnh 53,6%. Trong khi đó, doanh thu từ mảng xăng dầu sụt giảm 11% làm cho lợi nhuận gộp ở mảng này giảm hơn 17%. Điều này làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm nhẹ so với cùng kỳ năm trước





## TỔ CHỨC & NHÂN SỰ

### Danh sách Ban Điều Hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu (*)	Tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Thị Việt Ánh	Tổng Giám đốc	431.613	3,57%
2	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	4.967	0,04%
3	Nguyễn Thị Việt Ngọc	Phó Tổng Giám đốc	103.824	0,86%
4	Phù Chí Anh	Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán trưởng	92.269	0,76%

(\*) Tính tại thời điểm 31/12/2019



### Lý lịch Ban Điều hành

#### **BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH - TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày sinh	01/12/1956
Nơi sinh	Xã Trần Hợi – Huyện Trần Văn Thời – Tỉnh Cà Mau
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh tế - Khoa Quản trị Kinh doanh
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>06/1975 - 08/1978: Công tác tại UBND thị xã Cà Mau và Phòng Thống kê- Kế hoạch thị xã Cà Mau</li> <li>08/1978 - 11/1982: Chuyển về Cửa hàng bách hóa tổng hợp thị xã Cà Mau làm kế toán trưởng cửa hàng</li> <li>11/1982 - 2007: Thành lập Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau (nay là Công ty cổ phần Thương nghiệp Cà Mau) giữ các chức vụ: Kế toán trưởng, Phó phòng Kế toán, Trưởng phòng Kế hoạch, Phó Tổng Giám đốc, Tổng Giám đốc Công ty</li> <li>28/11/2007 - 05/05/2018: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau</li> <li>05/05/2018 - Nay: Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc tại Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Cà Mau</li> </ul>

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc

**Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác:** Chủ tịch HĐQT CTCP In Bạc Liêu; Ủy viên HĐQT CTCP Cà phê PETEC

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 431.613 cổ phần

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu
1	Chồng	Nguyễn Văn Hậu	374.465
2	Em ruột	Nguyễn Thị Việt Ngọc	103.824
3	Em ruột	Nguyễn Việt Phương	7.916

#### **BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT NGỌC - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ngày sinh	19/05/1971
Nơi sinh	Thị xã Cà Mau, Tỉnh Minh Hải
Trình độ chuyên môn	Đại học Thương Mại
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>06/1994 - 03/1998: Nhân viên Công ty Thương nghiệp Cà Mau</li> <li>04/1998 - 11/2002: Kế toán Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.</li> <li>12/2002 - 11/2004: Phó Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.</li> <li>12/2004 - 06/2008: Trưởng Văn phòng đại diện tại TP. Hồ Chí Minh thuộc CTCP Thương nghiệp Cà Mau</li> <li>07/2008 - 12/2009: Trưởng Chi nhánh Công ty tại TP. Hồ Chí Minh</li> <li>01/2010 - Nay: Phó Tổng Giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau.</li> </ul>

**Chức vụ hiện nay tại Công ty:** Phó Tổng Giám đốc

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay:** 103.824 cổ phần

**Tỷ lệ sở hữu chứng khoán ở các Công ty khác:** Không

**Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:**

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu
1	Chị ruột	Nguyễn Thị Việt Ánh	431.613
2	Chị ruột	Nguyễn Thị Việt Phương	7.916

## Lý lịch Ban Điều hành (tiếp theo)

### ÔNG LƯU HOÀNG THỐNG - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM TRƯỞNG PHÒNG HÀNH CHÍNH-NHÂN SỰ

Ngày sinh: 22/12/1976  
 Nơi sinh: Xã Tân Đức, Huyện Đầm Dơi, Tỉnh Cà Mau  
 Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

#### Quá trình công tác

- 10/1998 - 02/1999: Kế toán Phòng Kinh tế Kỹ thuật thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 03/1999 - 06/1999: Kế toán Chi nhánh Tp Hồ Chí Minh thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 07/1999 - 03/2000: Kế toán Cửa hàng Điện Máy Cà Mau thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2000 - 03/2003: Cửa hàng phó Cửa hàng Điện Máy Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2003 - 06/2006: Cửa hàng trưởng Cửa hàng Công nghệ thực phẩm Trà Kha thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 07/2006 - 12/2006: Kế toán Phòng Tài chính Kế toán Tin học thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2007 - 8/2007: Phụ trách tổng kho bách hóa thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 9/2007 - 12/2009: Cửa hàng trưởng Cửa hàng Chuyên doanh thuốc lá BAT thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2010 - 03/2013: Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2013 - 11/2014: Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 12/2014 - 03/2015: Chủ tịch Công đoàn NK 2012 - 2017 thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 04/2015 - 12/2016: Phó phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2016 - 04/2019: Trưởng phòng HCNS thuộc Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 4/2019 đến nay: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Trưởng phòng HC-NS

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 4.967 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan: Không

### ÔNG PHÙ CHÍ ANH - PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC KIỂM TRƯỞNG KẾ TOÁN TRƯỞNG

Ngày sinh: 23/08/1974  
 Nơi sinh: TP. Đà Lạt - Tỉnh Lâm Đồng  
 Trình độ chuyên môn: Đại học Quản trị Kinh doanh

#### Quá trình công tác

- 02/1998 - 12/2001: Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 01/2002 - 01/2007: Phó phòng Kinh tế - Kỹ thuật Công ty Thương nghiệp Cà Mau.
- 02/2007 - 11/2007: Kế toán trưởng kiêm Trưởng phòng Tài chính - Kế toán Công ty Thương nghiệp Cà Mau
- 12/2007 - 12/2012: Kế toán trưởng CTCP Thương nghiệp Cà Mau.
- 02/01/2013 - Nay: Phó Tổng giám đốc CTCP Thương nghiệp Cà Mau, kiêm kế toán trưởng từ ngày 07/09/2016.

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó Tổng Giám đốc kiêm Kế Toán Trưởng

Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không

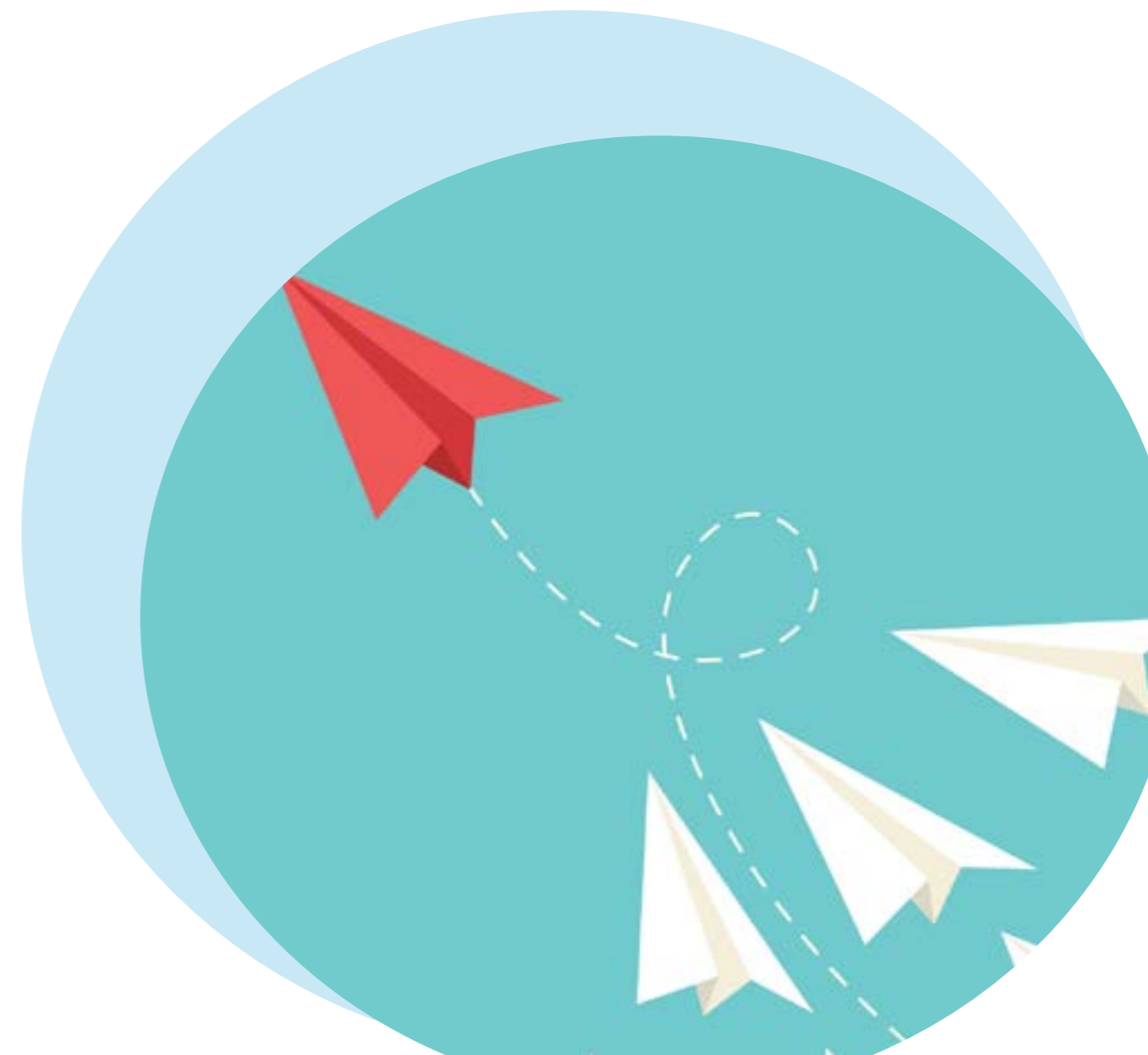
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay: 92.269 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan:

STT	Quan hệ	Họ và tên	Số cổ phiếu sở hữu
1	Vợ	Quách Duy Tâm	6.502

## Danh sách thay đổi thành viên Ban Điều Hành 2019

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Thái Trường An	Phó Tổng Giám đốc	4/5/2013	2/5/2019
2	Lưu Hoàng Thống	Phó Tổng Giám đốc	2/5/2019	



## Số lượng cán bộ công nhân viên

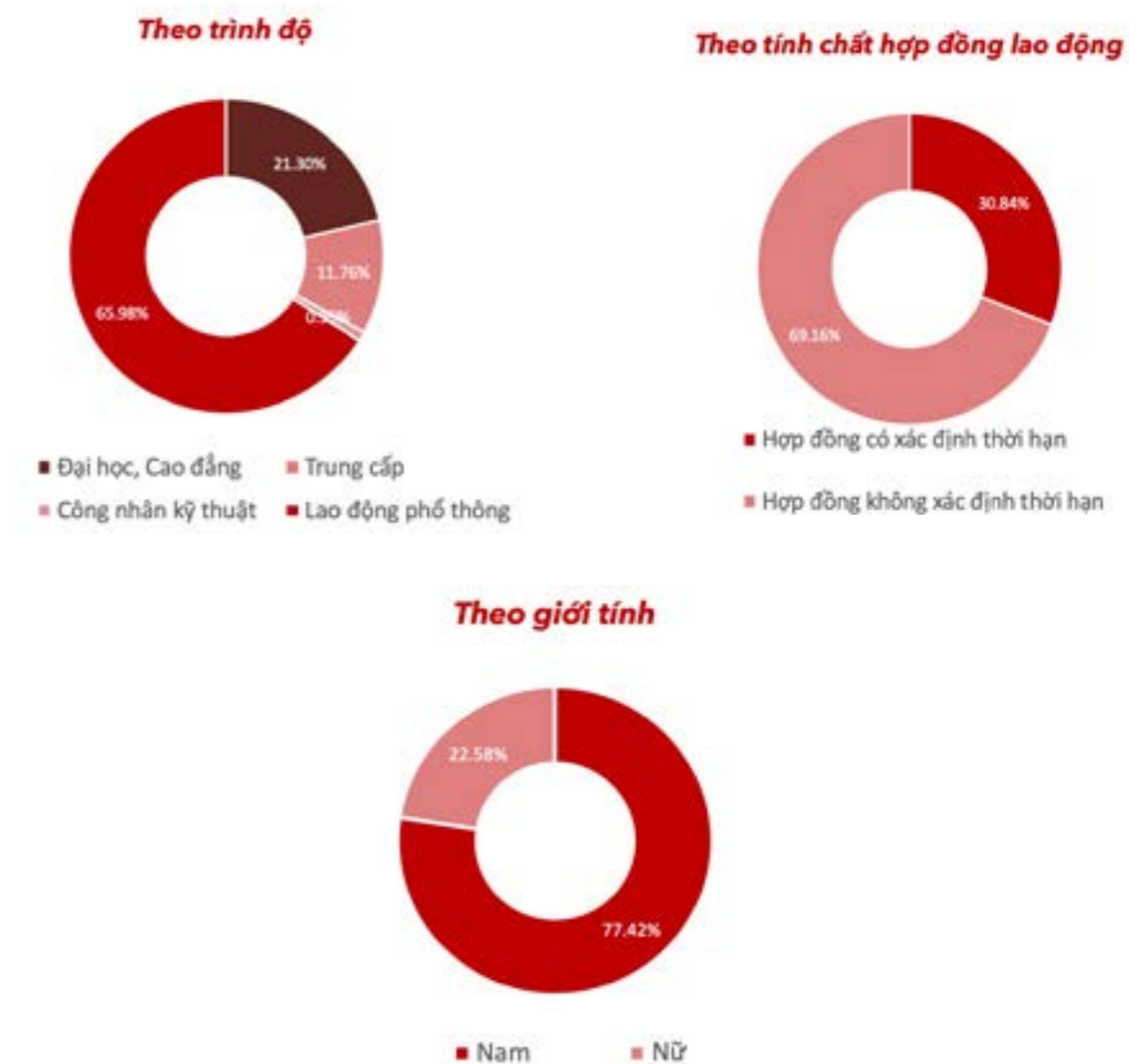
STT	Tính chất phân loại	Số lượng (người)	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>629</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học, Cao đẳng	134	21,30%
2	Trung cấp	74	11,77%
3	Công nhân kỹ thuật	6	0,95%
4	Lao động phổ thông	415	65,98%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>629</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	194	30,84%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	435	69,16%
<b>C</b>	<b>Theo giới tính</b>	<b>629</b>	<b>100,00%</b>
1	Nam	487	77,42%
2	Nữ	142	22,58%

## Thu nhập bình quân

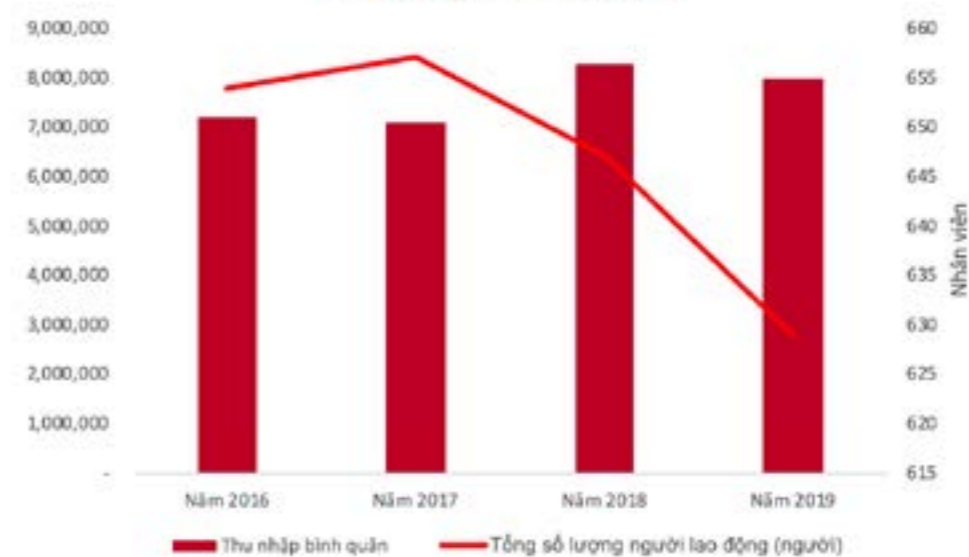
Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019
Tổng số lượng người lao động (người)	654	657	647	629
Thu nhập bình quân(đồng/người/tháng)	7.200.000	7.100.000	8.300.000	8.000.000

## Biểu đồ Cơ cấu lao động



## THU NHẬP BÌNH QUÂN



## Chính sách Nhân sự

Nguồn nhân lực luôn là yếu tố then chốt trong sự thành công của doanh nghiệp. Nhận thức sâu sắc về tầm quan trọng đó, Ban lãnh đạo CMV đã luôn dành sự quan tâm nhằm phát triển đội ngũ nhân sự của doanh nghiệp.

### Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Chủ trương về chính sách phúc lợi của Công ty linh hoạt theo từng thời kỳ phát triển, luôn đảm bảo tính rõ ràng, minh bạch và tương xứng xứng đáng, nhằm khuyến khích tinh thần làm việc của người lao động, từ đó tăng năng suất và lợi nhuận cho Công ty:

- Chính sách trả lương thưởng luôn được thực hiện đúng và đầy đủ theo Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thai sản, ốm đau, khám sức khoẻ định kỳ. Chính sách luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của Công ty.
- Công ty luôn đồng hành và lắng nghe những nguyện vọng của Nhân viên ở tất cả các cấp; phối hợp với công đoàn giải quyết cho công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn vay với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà góp phần hỗ trợ nhân viên vượt qua khó khăn an tâm công tác.
- Chế độ thưởng tháng lương thứ 13; thưởng nhân các dịp lễ, tết; thưởng tăng ca; thưởng sáng kiến, cải tiến kỹ thuật; thưởng đột xuất; thưởng xuyên tổ chức hoạt động thể thao, văn nghệ nhân dịp các ngày Lễ lớn và tổ chức tham quan du lịch trong và ngoài nước cho cán bộ công nhân viên tại Công ty nhằm khuyến khích tinh thần làm việc hăng hái của nhân viên.

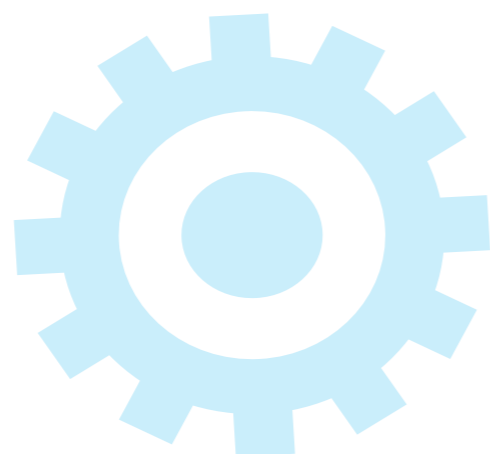
### Về đào tạo

Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo điều kiện để các CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ để trau dồi khả năng tiếp thị, marketing hướng đến giá trị cốt lõi là cung cấp dịch vụ tốt nhất cho người tiêu dùng được phục vụ đa phần cho mảng kinh doanh bán hàng của Công ty.

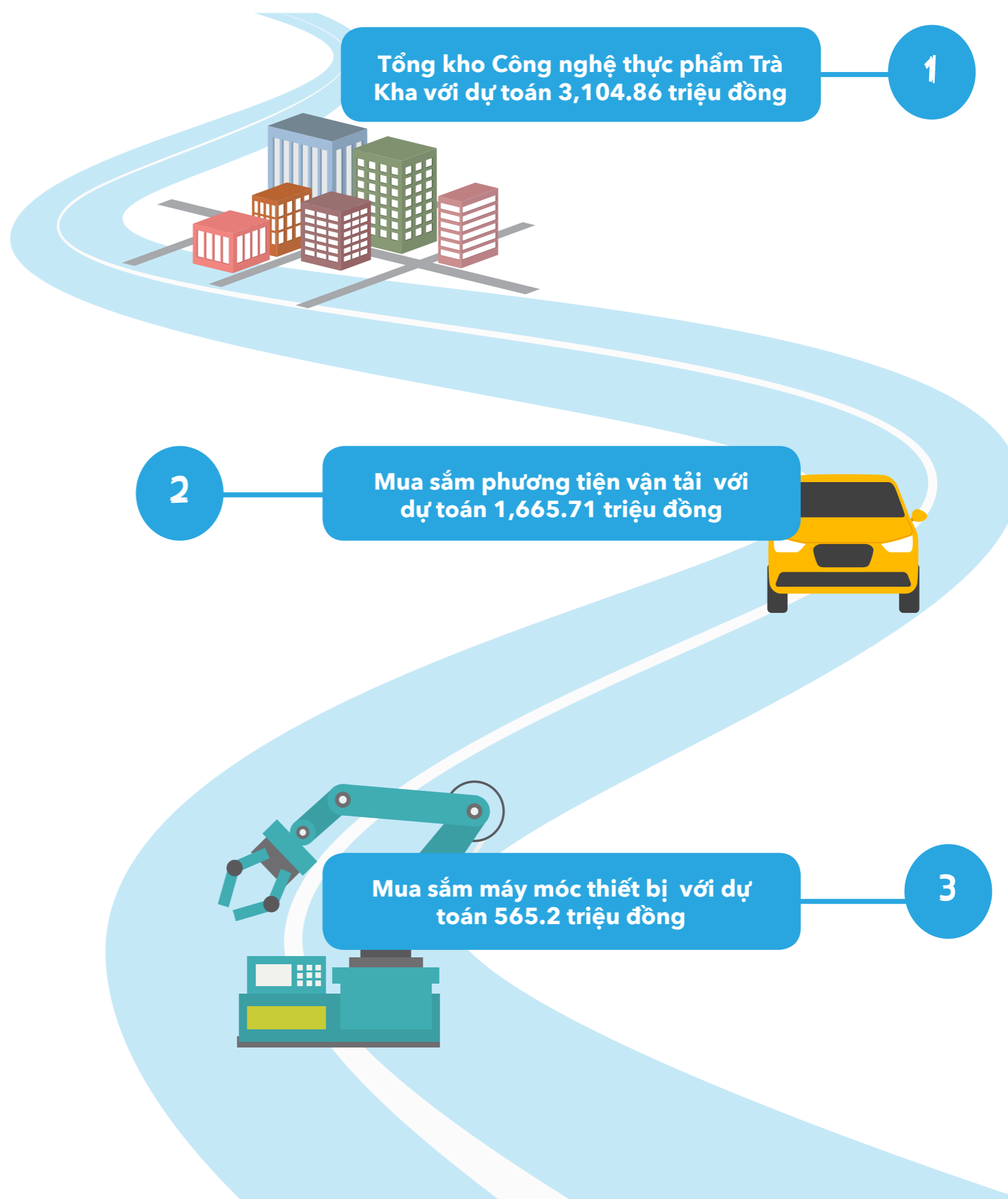
### Môi trường công việc

Công ty luôn chú trọng xây dựng văn hóa doanh nghiệp và phổ biến đến từng cán bộ công nhân viên, người lao động của Công ty. Công ty luôn quan tâm nâng cao ý thức "Văn minh, văn hóa thương nghiệp" tạo nên một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau qua xây dựng nội quy, quy chế, phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp cả trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện tôn trọng và đoàn kết.

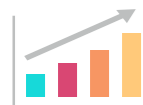
Đồng thời, ưu tiên hàng đầu của Công ty luôn là đảm bảo môi trường làm việc thân thiện, gắn kết các nhân viên của Công ty.



## TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ & THỰC HIỆN DỰ ÁN







## TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	2019/2018 (YoY)
1	Tổng giá trị tài sản	711.252	733.419	103.12%
2	Doanh thu thuần	4.656.770	4.728.777	101.55%
3	Lợi nhuận từ HDKD	1.862	-1.655	-
4	Lợi nhuận khác	29.044	27.879	95.99%
5	Lợi nhuận trước thuế	30.906	26.224	84.85%
6	Lợi nhuận sau thuế	22.316	18.35	82.23%

(Nguồn: BCTC Hợp nhất 2019)

**4.729** TỶ VND  
 DOANH THU THUẦN HỢP NHẬP NĂM 2019

Nhìn chung, tình hình tài chính của Công ty vẫn duy trì ổn định. Doanh thu thuần năm 2019 đạt 4.729 tỷ đồng tăng 1,55% so với cùng kỳ năm ngoái. Do giá vốn hàng bán chiếm tỷ trọng cao so với doanh thu thuần (96%) nên biên lợi nhuận gộp không cao. Năm vừa qua, các chi phí bán hàng và chi phí tài chính tăng cao phần nào ảnh hưởng đến kết quả lợi nhuận. Lợi nhuận sau thuế năm 2019 đạt 18,35 tỷ đồng đạt 82,32% so với cùng kỳ năm 2018.

**18,35**  
 LỢI NHUẬN SAU THUẾ HỢP NHẬP NĂM 2019

Với sự cạnh tranh của các cây xăng tư nhân mở trên địa bàn và các đối thủ nỗ lực không ngừng lớn mạnh tranh giành thị phần ở hoạt động kinh doanh bách hóa như Bách Hóa Xanh, Điện Máy Chợ Lớn, Điện Máy Xanh, Trung tâm thương mại Vincom... đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy mức lợi nhuận sụt giảm nhưng Công ty vẫn duy trì mức cổ tức là 15% đã cam kết theo đúng với kế hoạch của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra.

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu (Hợp nhất)

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,12	1,11
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,48	0,41
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	74,71	75,19
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	295,39	302,99
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	13,16	10,79
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	6,74	30,64
Vòng quay khoản phải trả	Vòng	10,25	12,57
Vòng quay khoản phải thu	Vòng	31,08	6,55
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,48	0,39
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	12,61	10,14
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	3,23	2,54
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động SXKD/ Doanh thu thuần	%	0,04	-

## Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

### Chỉ tiêu Khả năng thanh toán.

Các chỉ tiêu về khả năng thanh toán không có nhiều biến động. Cụ thể, hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,12 xuống 1,11 lần và hệ số thanh toán nhanh giảm từ 0,48 lên 0,41 lần. Điều này thể hiện, khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty vẫn được đảm bảo. Năm nay, công ty nâng lượng hàng tồn kho tăng 13% để đáp ứng nhu cầu dự trữ hàng cho hoạt động kinh doanh bán lẻ, chính vì thế tạo ra sự chênh lệch giữa hệ số thanh toán ngắn hạn và hệ số thanh toán nhanh. Khả năng thanh khoản của công ty vẫn được đảm bảo và duy trì tốt trong tình hình kinh doanh năm 2019.



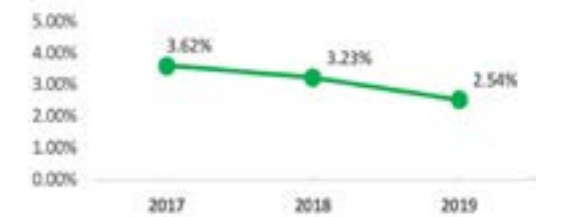
### Chỉ tiêu về cơ cấu vốn

Cơ cấu vốn vẫn được duy trì ổn định. Hệ số nợ trên tổng tài sản tăng nhẹ từ 74,7% lên 75,2%. Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng 295,4% lên 303%. Trong đó, hàng tồn kho chiếm tỷ trọng 52,4% trong tổng tài sản, trong khi chỉ số Nợ phải trả người bán/Hàng tồn kho là 55%. Từ đó có thể thấy rằng một phần đáng kể hàng tồn kho của Công ty được tài trợ bởi tín dụng của các nhà cung cấp, nâng cao vị thế mua hàng đối với các nhà cung cấp. Ngoài ra, trong năm 2019, Công ty đã tăng nợ dài hạn để bổ sung vốn lưu động cho công việc kinh doanh.

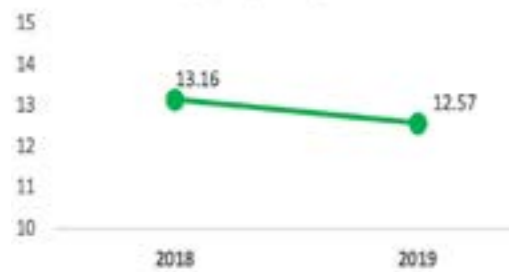
### Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Vốn chủ sở hữu bình quân



### Hệ số Lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản bình quân



### Vòng quay hàng tồn kho



### Vòng quay tổng tài sản



### Chỉ tiêu về năng lực hoạt động

Trong năm, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động của Công ty tiếp tục duy trì tương đối ổn định. Vòng quay hàng tồn kho năm 2019 giảm từ 13,16 xuống 12,57 vòng, điều này phù hợp với chiến lược kinh doanh thận trọng của công ty nhằm tăng dự trữ tồn kho trước tình hình lạm phát gia tăng, và triển khai chính sách bán hàng hiệu quả giúp duy trì lượng hàng dự trữ trong kho bình quân khoảng 29 ngày. Bên cạnh đó, vòng quay các khoản phải trả tăng nhẹ từ 10,29 lên 10,79 vòng tương ứng với thời hạn phải trả bình quân của công ty khoảng 34 ngày, duy trì sự tín nhiệm cao của các nhà cung cấp đối với Công ty.



### Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Khả năng sinh lợi của Công ty trong năm 2019 có xu hướng giảm nhẹ so với năm 2018. Vì lợi nhuận sau thuế của Công ty đạt 18,35 tỷ đồng giảm 17% so với năm trước. Nguyên nhân do chi phí bán hàng và chi phí tài chính cũng tăng mạnh khiến cho lợi nhuận của Công ty bị giảm sút, và sự sụt giảm doanh thu ở mảng kinh doanh xăng dầu trọng yếu của công ty, vì biến động của các yếu tố vĩ mô và cạnh tranh ngành gay gắt. Nhìn chung, công ty vẫn duy trì được tỷ suất sinh lời bám sát theo kế hoạch kinh doanh đề ra.

## CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



### Thông tin cổ phiếu

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 12.103.912 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 12.103.912 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

### Cơ cấu cổ đông

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>548</b>	<b>12.079.450</b>	<b>99,80%</b>
1	Cổ đông nhà nước	1	2.936.024	24,26%
2	Cổ đông tổ chức	17	6.702.024	53,37%
3	Cổ đông cá nhân	530	2.441.322	20,17%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	<b>6</b>	<b>24.462</b>	<b>0,20%</b>
1	Cá nhân	4	6.152	0,05%
2	Tổ chức	2	18.21	0,15%
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>		<b>555</b>	<b>12.103.912</b>	<b>100,00%</b>

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Các chứng khoán khác: Không có



## TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG

### Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Nguyên vật liệu đầu vào của Công ty được cung cấp bởi các doanh nghiệp có uy tín và được kiểm soát về chất lượng. Công ty luôn tuyển chọn những nhà cung cấp có uy tín trên thị trường, thường xuyên kiểm tra quá trình lưu kho, bảo quản nguyên vật liệu nhằm giao đến tay khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt nhất. Suốt chặng đường dài hoạt động, Công ty đã tạo được mối quan hệ tốt với nhiều nhà cung cấp lớn, qua đó có nhiều sự lựa chọn trong việc mua được nguồn nguyên vật liệu có chất lượng tốt và giá cả hợp lý.

### Tiêu thụ năng lượng

Ý thức được sự quan trọng của năng lượng điện ảnh hưởng ở tầm vi mô của từng doanh nghiệp Công ty vẫn tiếp tục duy trì các hoạt động nâng cao ý thức tiết kiệm năng lượng tại khối văn phòng và hệ thống cửa hàng trên toàn địa bàn bằng các biện pháp sau:

- Thay các thiết bị điện cũ kỹ, cải tiến hệ thống chiếu sáng bằng cách sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng và thân thiện môi trường: đèn compact, thiết bị cảm ứng bật tắt tự động. Việc làm này đã giúp tiết kiệm được 70% lượng điện năng tiêu thụ.
- Tuyên truyền, nhắc nhở nhân sự nội bộ, người lao động thực hiện các hành động tiết kiệm điện như: tắt đèn, quạt khi ra ngoài, khi không cần thiết sử dụng; quy định giờ giấc sử dụng máy điều hoà và bật ở nhiệt độ cao hơn 25°C,
- Hướng ứng giờ Trái Đất.



### Tiêu thụ nước

Trước thay đổi khó lường của thời tiết và ảnh hưởng nặng nề do biến đổi khí hậu, thời gian gần đây, Đồng bằng Sông Cửu Long đã luôn phải đối mặt với tình trạng khô hạn và mặn xâm nhập cao, ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của người dân và hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều doanh nghiệp trong khu vực. Camex luôn nhận thức được rằng nguồn nước là tài nguyên vô giá nhưng không phải vô tận, vì vậy mỗi cá nhân, mỗi doanh nghiệp phải biết sử dụng hợp lý nhằm bảo vệ nguồn nước không bị cạn kiệt và còn giúp bảo vệ môi trường. Trong năm 2019, lượng nước tiêu thụ tại Công ty luôn được kiểm soát khá chặt chẽ, sử dụng các thiết bị tiết kiệm nước như đầu vòi sen có dòng chảy chậm, vòi rửa với cơ chế ngắt tự động. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn khuyến khích nhân viên tiết kiệm nước vì lợi ích chung của cộng đồng.

### Chính sách liên quan đến người lao động

Đối với người lao động, Công ty luôn coi người lao động là tài sản lớn nhất của mình, chăm lo cuộc sống vật chất và tinh thần cho người lao động, bảo đảm cho người lao động không chỉ tái sản xuất sức lao động, mà còn được nâng cao trình độ chuyên môn, chăm lo sức khỏe. Ban Lãnh đạo Camex luôn đồng hành và lắng nghe những tâm tư, nguyện vọng của nhân viên ở tất cả các cấp, các bộ phận nhằm tháo gỡ những vướng mắc, kịp thời hỗ trợ, kêu gọi giúp đỡ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

Bên cạnh đó, Công ty luôn hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các khoản bảo hiểm bắt buộc cho nhân viên Công ty. Hằng năm, Ban Tổng Giám đốc Công ty tiếp tục điều chỉnh chính sách tiền lương, thưởng cho phù hợp với điều kiện đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty trên cơ sở chế độ chính sách của Nhà nước quy định và theo nguyên tắc làm việc gì, chức vụ gì hưởng lương theo công việc/chức vụ đó.

### Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Hiện tại công ty đang lên kế hoạch sử dụng bao bì sinh học tự huỷ nhằm góp phần đóng góp vào việc giảm thiểu tác động của bao bì ni-lông đến môi trường sống. Công ty luôn tuân thủ và cập nhật các văn bản pháp luật liên quan về môi trường, thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan quản lý môi trường, liên tục đánh giá sự ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường của Cán bộ công nhân viên, Công ty tổ chức các buổi tuyên truyền và đưa vào các chương trình đào tạo, diễn tập ứng phó với rủi ro như hỏa hoạn, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Phòng cháy chữa cháy.

### Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Đối với thị trường và người tiêu dùng, Camex luôn đảm bảo chữ "tín", bảo đảm chất lượng sản phẩm, dịch vụ, thực hiện đúng các tiêu chuẩn chất lượng của sản phẩm, dịch vụ, thực hiện các cam kết dịch vụ sau khi bán như đã bảo đảm với khách hàng, không quảng cáo quá sự thật. Đối với xã hội, Công ty tổ chức các hoạt động thiện nguyện, hoạt động nhân đạo, gây quỹ nhằm giúp cho tương lai địa phương ngày một tốt đẹp hơn như: xây dựng nhà tình thương, trao học bổng cho các học sinh nghèo hiếu học, tặng quà và hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn.

# BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT  
KINH DOANH

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH  
SÁCH, QUẢN LÝ

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM  
VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



## ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CỦA HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Kết thúc năm 2019, với sự nỗ lực của tập thể Ban điều hành và người lao động Công ty cùng với sự tin nhiệm của Quý cổ đông, Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tiếp tục cơ bản hoàn thành 93% các chỉ tiêu so với kế hoạch Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 đề ra ngày 04/05/2019 với bối cảnh kinh doanh như sau:

- Sự bất ổn địa chính trị ngày càng gia tăng trên toàn cầu đã gây ra suy thoái kinh ảnh hưởng trực tiếp đến nước ta ở thị trường bất động sản, chứng khoán, xăng dầu, vàng,...
- Lãi suất ngân hàng siết chặt, tiếp cận vốn đối với các ngân hàng khá khó khăn. Vì thế, tình hình chiếm dụng vốn giữa các doanh nghiệp có xu hướng gia tăng, công ty nên tập trung cao công tác quản trị, giảm dần bán hàng trả chậm thời gian dài và đa dạng hoá chiến lược đầu tư để đảm bảo an toàn trong hoạt động kinh doanh.
- Theo đề xuất bổ sung của Nghị định số 83/2014/NĐ-CP, Bộ Công Thương Quyết định cắt giảm các điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực xăng dầu đã gia tăng áp lực cạnh tranh trong lĩnh vực bán lẻ này, cộng thêm giá xăng dầu, gaz thế giới biến động liên tục theo tình hình địa chính trị toàn cầu; chương trình lộ hóa nông thôn, các cây xăng ở vùng sông nước giảm sản lượng, thậm chí đóng cửa dẫn đến hiệu quả kinh doanh xăng dầu năm 2019 rất thấp không đạt kế hoạch.
- Nhiều Doanh nghiệp thủy hải sản gặp khó khăn, phá sản, diện tích nuôi trồng thu hẹp, khai thác xa bờ, mua bán xăng dầu ở các hải phận quốc tế gia tăng.
- Sự gia nhập vào hệ thống bán lẻ xăng dầu của các doanh nghiệp lớn ngày càng tăng như PV Oil, Petrolimex; sự cùng hiện diện của tất cả các đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu tại thị trường Cà Mau, tạo nên sự cạnh tranh khốc liệt về mọi mặt.
- Riêng thị trường bách hóa tổng hợp sự cạnh tranh càng dữ dội hơn. Với sự có mặt đại trà các doanh nghiệp bán lẻ lớn như Coop-mart, Vinmart, Điện máy Nguyễn Kim, Chợ lớn và sự phát triển ồ ạt của Điện máy Xanh có mặt rộng khắp các vùng thành thị và nông thôn.
- Đối các nhà cung cấp khi có thị trường ổn định và sản phẩm được người tiêu dùng tin nhiệm, doanh thu tăng dần thì chính sách và cơ chế kinh doanh tiếp tục giảm chiết khấu, hoa hồng. Cùng với một số sản phẩm không đáp ứng sở thích, thị hiếu của người tiêu dùng, không cạnh tranh với các sản phẩm cùng loại dẫn đến tồn kho cao, dư nợ ngân hàng cao, sản lượng doanh thu sụt giảm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh từ năm 2018 đến nay.
- Các khoản chi phí tiếp tục tăng cao chi chính sách đất đai, tiền thuê nhà (các tỉnh mới mở Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp) tiền lương, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, điện nước, bốc xếp, sửa chữa, vv...
- Về công tác tổ chức nhân sự vẫn tiếp tục thiếu trầm trọng lao động từ giản đơn đến phức tạp. Dù chính sách thu hút và đãi ngộ người lao động tương đối tốt, nhưng với điều kiện đặc thù của đơn vị rất ít người đáp ứng được áp lực của công việc để gắn bó lâu dài.

## Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2019 (Hợp nhất)

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2019	Thực hiện 2019	%2019/ KH2019
1	Vốn điều lệ	Tỷ đồng	121	121	100
2	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.8	4.729	98,52
3	Tổng lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	30	26,22	87,41
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	24	18,35	76,46
5	Lợi nhuận sau thuế cổ đông thiểu số	Tỷ đồng	-	1,78	-
6	Lợi nhuận sau thuế Công ty mẹ	Tỷ đồng	-	2,58	-
7	Cổ tức	%	15,00%	15,00%	-



**Tình hình tài sản năm 2019 (Hợp nhất)**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH 2019/ TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Tài sản ngắn hạn	597.258	611.171	102,33%	83,97%	83,33%
Tài sản dài hạn	113.994	122.248	107,24%	16,03%	16,67%
<b>Tổng tài sản</b>	<b>711.252</b>	<b>733.419</b>	<b>103,12%</b>	<b>100,00%</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, tình hình tài sản không có nhiều biến động so với năm 2018. Giá trị tổng tài sản đạt 733,4 tỷ đồng, tăng nhẹ 3,12% so với cùng kỳ năm trước. Cơ cấu tài sản cũng không có nhiều sự thay đổi, tài sản ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu tổng tài sản 83,3%, 16,7% còn lại là tài sản dài hạn. Cụ thể, tài sản ngắn hạn đạt 611,2 tỷ đồng, tăng nhẹ 2,3% so với năm 2018. Nguyên nhân chủ yếu từ việc tăng trưởng 13% lượng hàng tồn kho tương đương 44,5 tỷ đồng, đồng thời sụt giảm 35% lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền trị giá 32 tỷ đồng. Tài sản dài hạn tăng 7,24% và đạt giá trị 122,25 tỷ đồng. Tài sản dài hạn của Công ty chủ yếu là tài sản cố định hữu hình và vô hình. Cụ thể tại ngày 31/12/2019 như sau:



Tài sản cố định hữu hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Nhà cửa, vật kiến trúc	82.732.426.077	42.851.245.573	51,79%
Máy móc thiết bị	35.528.680.105	7.907.912.899	22,26%
Phương tiện vận tải	35.468.872.662	14.960.685.084	42,18%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	748.494.938	145.084.358	19,38%
TSCĐ khác	584.077.098	34.385.000	5,89%
<b>Cộng</b>	<b>155.062.550.880</b>	<b>65.899.312.914</b>	<b>42,50%</b>
Tài sản cố định vô hình	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Giá trị còn lại/ Nguyên giá
Quyền sử dụng đất	36.299.745.183	35.593.116.857	98,05%
Phần mềm máy vi tính	849.221.480	-	0,00%
<b>Cộng</b>	<b>37.148.966.663</b>	<b>35.593.116.857</b>	<b>95,81%</b>

**Tình hình nợ phải trả**

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	31/12/2018	31/12/2019	TH 2019/ TH 2018	Tỷ trọng năm 2018	Tỷ trọng năm 2019
Nợ ngắn hạn	531.366	549.877	103.48%	100.00%	99.72%
Nợ dài hạn	-	1.550	0,00%	0.00%	0.28%
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>531.366</b>	<b>551.427</b>	<b>103.78%</b>	<b>100%</b>	<b>100%</b>

**Tình hình Nợ phải trả qua các năm**


Tổng nợ phải trả tăng 3,78% so với cùng kỳ năm 2018. Năm nay Công ty bổ sung 1,55 tỷ đồng Nợ phải trả dài hạn, nợ phải trả ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong cơ cấu nợ phải trả là 99,72%. Vì vậy, những biến động của nợ ngắn hạn sẽ Quyết định đến giá trị tổng nợ. Cụ thể, nợ ngắn hạn đạt 550 tỷ đồng, tăng 3,5% so với năm trước. Trong cơ cấu nợ ngắn hạn, hai khoản mục chiếm tỷ trọng trên 90% bao gồm Vay ngắn hạn từ các ngân hàng thương mại cổ phần nhằm bổ sung vốn lưu động của Công ty và Các khoản tín dụng của nhà cung cấp, cũng nỗ lực trả các khoản nợ trong năm.





## NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

### Công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Đặc thù kinh doanh trong ngành Bán lẻ của Công ty với đa dạng các loại hình sản phẩm: Xăng dầu, gas, nhớt; Bách hóa; Điện máy và Các hàng hóa dịch vụ khác. Hệ thống ngành hàng tập trung chủ yếu tại địa bàn tỉnh Cà Mau và phân tán ngoài tỉnh Cà Mau: Kiên Giang, Bạc Liêu, Sóc Trăng, Hậu Giang, Đồng Tháp, TP. Hồ Chí Minh. Tận dụng triệt để đặc trưng vận chuyển bằng đường thủy và mạng lưới giao thông đường bộ sôi động của vùng Tây Nam bộ, công ty ngày càng đa dạng các phương bán hàng phục vụ nhu cầu của mọi đối tượng khách hàng: Bán hàng tự chọn, bán hàng trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ, bán lẻ... Xây dựng hệ thống cửa hàng, kho bãi liên kết chặt chẽ, tăng cường độ phủ rộng rãi. Các yếu tố trọng yếu đó là thế mạnh tạo nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

Hiện nay, tình hình cạnh tranh khốc liệt từ xăng dầu, bách hóa đến điện máy,... làm cho hiệu quả kinh doanh không cao, chi phí quản lý ngày càng tăng, khó khăn chồng chất khó khăn, lợi nhuận giảm. Để có sự ổn định và cân bằng trong chiến lược, quản trị tốt trong kinh doanh, Công ty đã xác định và tiếp tục kinh doanh đa ngành, đa nghề, đa phương thức và tăng dần tỷ trọng hàng bách hóa, xác định thoái vốn tại các cửa hàng kinh doanh chưa hiệu quả để tập trung tìm kiếm mở rộng quy mô cửa hàng tại các khu vực tiềm năng.

### Công tác quản lý tài chính

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế làm việc, quy chế trả lương, trả thưởng, quy định chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của từng người, từng vị trí theo từng loại hình trong các lĩnh vực khác nhau cho phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn kinh doanh với môi trường phức tạp nhiều thành phần cạnh tranh khốc liệt, nên phương châm của Hội đồng quản trị xác định từng bước đi thận trọng nhằm mục tiêu "Chậm nhưng vững chắc".

Tái cấu trúc toàn diện: chiến lược kinh doanh, nhân sự, phương tiện, công cụ... Điều chỉnh giảm chi phí trên cơ sở định mức chi phí hợp lý, sắp xếp phân bổ tuyến theo từng khu vực của từng cửa hàng để đoạn đường giao hàng ngắn nhất, các phương tiện đảm bảo đủ tải, giao hàng tay ba không qua kho. Quy định và điều chỉnh phù hợp chi phí công tác, nhiên liệu của phương tiện, công cụ phục vụ kinh doanh trên tinh thần tiết kiệm và hiệu quả nhất, đồng thời luôn cập nhật và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực, đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời.





## KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

### Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020 (Hợp nhất)

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	121
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,5
Tỷ lệ cổ tức	%	10



# 66.3

M<sup>3</sup>

TỔNG SẢN LƯỢNG XĂNG DẦU NĂM 2020



# 6.2

TẤN

TỔNG SẢN LƯỢNG GAZ NĂM 2020



# 3.246

TỶ VND

TỔNG DOANH THU NGÀNH BÁCH HOÁ NĂM 2020

### Một số chỉ tiêu cơ bản

STT	Ngành hàng	Đơn vị tính	Thực hiện 2019	Kế hoạch 2020	KH 2020/ TH 2019
1	Xăng dầu	m <sup>3</sup>	69.792	66.3	95,00
2	Gaz	Tấn	6.81	6.2	91,00
3	Bách hóa	Tỷ đồng	3.246	3.41	105,00



### Kế hoạch đầu tư

Dự kiến trong năm 2019, Công ty triển khai đầu tư và mở rộng các dự án. Trong đó cụ thể như sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Hạng mục đầu tư	Tổng mức đầu tư (triệu đồng)
	<b>Tổng kho Bách hóa- Cửa hàng Xăng dầu Năm Căn</b>	
1	<ul style="list-style-type: none"> <li>Diện tích: 12.250 m<sup>2</sup></li> <li>Thực hiện giai đoạn 1: 2.200 m<sup>2</sup> kho, 2.000 m đường bộ: San lấp mặt bằng: 600 triệu đồng Dự toán tổng kho: 3.960 triệu đồng Dự toán đường nội bộ: 980 triệu đồng</li> </ul>	14.981
	<b>Kho chứa hàng tại Trà Kha tại Khu Công Nghiệp Trà Kha, Tp Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu</b>	
2	<ul style="list-style-type: none"> <li>Diện tích: 1.320 m<sup>2</sup>, đường nội bộ: 500 m<sup>2</sup></li> <li>Giá trị dự toán: 3.200 triệu đồng</li> </ul>	3.2
	<b>Kho chứa hàng tại Hộ Phòng. Thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu</b>	
3	<ul style="list-style-type: none"> <li>Diện tích: 333 m<sup>2</sup></li> <li>Giá trị dự toán: 700 triệu đồng</li> </ul>	700



## BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG & XÃ HỘI CÔNG TY

### Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty luôn ý thức về việc tác động đến môi trường xung quanh. Ban lãnh đạo Công ty tích cực tuyên truyền, phổ biến với toàn thể nhân viên công ty và luôn cam kết thực hiện:

- Tăng cường kiểm soát, giám sát, xây dựng biện pháp phòng ngừa ô nhiễm đến môi trường
- Khuyến khích lao động, nhân viên của Công ty sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, tái sử dụng trong quá trình kinh doanh.
- Nâng cao ý thức của từng nhân viên thông qua các buổi tọa đàm về tác động bảo vệ môi trường đến đời sống và kinh doanh. Phổ biến các quy định về giữ gìn vệ sinh tại cơ quan làm việc cũng như tại nhà
- Khuyến khích tiết kiệm điện/nước mọi lúc mọi nơi.
- Kiểm soát quy trình thu gom và xử lý rác thải đúng nơi quy định

### Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Trong năm 2019, Công ty đã có những hoạt động thiết thực đóng góp vào sự phát triển của địa phương cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Thành tiền (đồng)
1	Ủng hộ UBND Thành phố Cà Mau tổ chức Lễ kỷ niệm 20 năm ngày thành lập Tp Cà Mau	50.000.000
2	Ủng hộ quỹ đền ơn đáp nghĩa xã Tắc Vân, Thành phố Cà Mau	10.000.000
3	Hỗ trợ Hội cựu Thanh niên Xung phong tỉnh Cà Mau	5.000.000
4	Tặng quà cho gia đình nghèo P5, Trung tâm Bảo trợ Xã hội, trường nuôi dạy trẻ khuyết tật, Trung tâm bệnh tâm thần	63.584.064
5	Hỗ trợ học sinh nghèo trường THPT Tân Ân Tây, huyện Ngọc Hiển; tặng tập cho Hội thiện nguyện Cà Mau	5.100.000
6	Ủng hộ Liên đoàn Lao động tỉnh Cà Mau trong dịp tổ chức "Tết sum vầy" cho công nhân lao động năm 2019	10.000.000

## Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Thực hiện tốt quy chế dân chủ trong doanh nghiệp, kết hợp cùng Công đoàn cơ sở công ty tổ chức thành công Hội nghị người lao động hằng năm (Ngày 04/5/2019)
- Chính sách trả lương thưởng luôn được cập nhật và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với hoạt động thực tiễn của công ty
- Tiếp tục duy trì và điều chỉnh chế độ hỗ trợ cho người lao động cho phù hợp với điều kiện thực tế của công ty như: Tặng quà sinh nhật trị giá 1.000.000đ/đoàn viên, hiếu hỷ 1.000.000đ/đoàn viên, chưa đoàn viên công đoàn 500.000đ/trường hợp; thăm hỏi, chia sẻ khi người lao động ốm đau, bệnh tật; tổng số tiền là 284.064.000 đồng. Trích quỹ tương trợ giải quyết cho 10 lượt đoàn viên công đoàn có hoàn cảnh khó khăn vay trên 105.000.000 đồng với lãi suất thấp để làm kinh tế phụ gia đình và sửa chữa nhà góp phần hỗ trợ người lao động vượt qua khó khăn an tâm công tác.
- Khen thưởng và tặng danh hiệu nữ 2 giải năm 2019 cho 86 chị, số tiền 17.200.000 đồng.
- Hằng năm nhân dịp các ngày Lễ lớn công đoàn cùng với Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động để người lao động tham gia như: Hội thao ngày thành lập Đoàn thanh niên và công đoàn, họp mặt ngày 08/3; 20/10, tặng quà cho người lao động, lao động nữ, tạo được sinh khí vui tươi, phấn khởi trong người lao động. Tổng chi phí là 96.893.763 đồng.
- Tặng quà và khen thưởng các cháu thiếu nhi, học sinh có học lực từ khá trở lên nhân ngày 01/6 và Tết Trung thu, số tiền 162.700.000 đồng.
- Trong năm qua, công ty đã tổ chức cho 319 người lao động tham quan du lịch trong và ngoài nước.
- Các chính sách của Nhà nước quy định đối với người lao động đều thực hiện đúng và đầy đủ như: Ký kết hợp đồng lao động; tham gia BHXH, BHYT, BH thất nghiệp đầy đủ; giải quyết chế độ thai sản, ốm đau, khám sức khỏe định kỳ kịp thời; ... Nghiêm túc thực hiện đóng BHXH, BHYT, BHTN cho người lao động trong năm 2019 Công ty đã đóng tổng số tiền là 13.984.326.470 đồng, cụ thể:
  - BHXH: 11.101.768.726 đồng
  - BHYT: 2.012.807.617 đồng
  - BHTN: 869.750.137 đồng





## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

**ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY**

**CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Năm 2019 tiếp tục là một năm đầy khó khăn và thách thức dù có sự thay đổi về chủ sở hữu nhưng với sự nỗ lực đoàn kết cao của tập thể Ban điều hành và người lao động cùng sự tín nhiệm của quý vị đối tác, quý cổ đông. Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau cơ bản hoàn thành 93% các chỉ tiêu so với kế hoạch Đại hội Đồng Cổ Đông thường niên năm 2019 đề ra ngày 04/05/2019 với thực trạng như sau:

- Giá dầu thô thế giới diễn biến phức tạp và khó lường. Nguồn cung xăng dầu không ổn định, hoa hồng thấp.
- Giá xăng dầu luôn thay đổi theo chu kỳ 15 ngày dưới sự điều hành giá của nhà nước đã tác động đến hiệu quả kinh doanh của Công ty (cụ ly vận chuyển tàu từ TP HCM về Cà Mau xa, đặc thù xăng dầu phải dự trữ, bán ra không kịp, năm 2019 xăng dầu hiệu quả không cao).
- Hiện nay tất cả đầu mối, thương nhân phân phối xăng dầu đều có mặt đầy đủ tại Cà Mau đã hình thành khu vực cạnh tranh tranh xăng dầu cuối nguồn khốc liệt nhất trong khu vực miền Tây.
- Thị trường bách hóa sự cạnh tranh dữ dội hơn xăng dầu. (Vì kinh doanh xăng dầu có điều kiện của pháp luật, riêng bách hóa ai cũng có thể kinh doanh, không vốn cũng được, chỉ có điểm đăng ký với địa phương là hoạt động). Nhưng với sự chủ động trong đàm phán, sự hỗ trợ của các đối tác qua các kênh bán buôn, bán sỉ, sỉ lẻ. Sự nỗ lực, sự nhiệt huyết vì màu cờ sắc áo của người lao động Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau, Công ty vẫn tiếp tục ổn định và phát triển dù rằng các nhà bán buôn xuất thân từ người lao động của Công ty cạnh tranh cùng ngành nghề bách hóa, điện máy, gas tạo một bức tranh sinh động và phong phú trong thời kỳ kinh tế thị trường.
- Chính sách ngân hàng thay đổi, không ổn định. Giảm hạn mức tín dụng và tăng lãi suất cho vay đã góp thêm khó khăn, tăng chi phí cơ bản cho Công ty.
- Đồng thời, khi các nhà cung cấp có thị trường ổn định và sản phẩm được người tiêu dùng tín nhiệm, thị phần tăng trưởng, doanh thu tăng thì chính sách và các chương trình chiết khấu hoa hồng đều giảm đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch lợi nhuận của Công ty.
- Các khoản chi phí tiếp tục tăng cao khi chính sách đất đai nhà nước thay đổi biểu giá kiện toàn lại toàn bộ hệ thống PCCC, bảo vệ môi trường, an toàn vệ sinh thực phẩm, v.v... Luân phiên sửa chữa nhỏ các Cửa hàng, sửa chữa ghe, xe, v.v.
- Về nhân sự vẫn thiếu trầm trọng lao động từ giản đơn đến phức tạp. Dù chính sách thu hút và đãi ngộ người lao động tương đối tốt nhưng kinh doanh với áp lực cao, hoạt động gần như 24/24 nên rất ít người đáp ứng và gắn bó lâu dài (Hầu như có kinh nghiệm và điều kiện ra kinh doanh riêng cạnh tranh lại với Công ty).

### Về Công tác điều hành

- Việc điều hành các hoạt động của Công ty, Hội đồng quản trị luôn tuân thủ quy định của pháp luật, thực hiện quyền, nghĩa vụ đúng theo điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và được cập nhật sửa đổi theo quy định pháp luật và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên hàng năm.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh, đề ra chiến lược kinh doanh thích ứng với tình hình thực tế và các giải pháp, biện pháp thực hiện kịp thời đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch năm 2019.
- Giám sát và chỉ đạo thực hiện nghiêm túc, đúng Luật công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính trung thực, minh bạch về tài chính, về quản trị doanh nghiệp, về tình hình hoạt động kinh doanh, qua đó cũng tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư, cổ đông thực hiện tốt chức năng, giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch kinh doanh và tài chính năm 2019 của Công ty mẹ và 02 Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu.





## ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY



### Hoạt động giám sát

Năm 2019 là một năm đánh dấu nhiều cột mốc mới tăng trưởng cho nền kinh tế tuy nhiên hoạt động kinh doanh của Công ty còn gặp nhiều khó khăn. Bằng sự quyết tâm và đoàn kết từ Ban Tổng Giám đốc đến cán bộ công nhân viên, Công ty đã cố gắng hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra, một số chỉ tiêu tài chính vượt cao so với kế hoạch đặt ra.

Công tác điều hành được phân công cụ thể và chỉ đạo quyết liệt, bám sát phương hướng và kế hoạch hoạt động theo Đại hội đồng cổ đông năm 2019, và định hướng của Hội đồng quản trị.

Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát.



### Kết quả hoạt động giám sát

Kiểm tra chặt chẽ hoạt động của Ban Điều Hành trong các công tác sau:

- Công tác giám sát, chỉ đạo và điều hành hoạt động kinh doanh; theo dõi sát sao tình hình biến động và đề ra giải pháp điều chỉnh kịp thời, đảm bảo hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2019.
- Báo cáo thường xuyên cho HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính, và tiến độ các dự án đầu tư.
- Chỉ đạo công tác cập nhật và công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh, qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của Công ty.
- Tiếp tục đầu tư cho nghiên cứu và phát triển để cải tiến quy trình kinh doanh, áp dụng những công nghệ quản lý tiên tiến vào công ty.
- Chủ trì, chỉ đạo, lập kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 phù hợp với tình hình đất nước và quy định của Chính Phủ.



## CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Năm 2020 là một năm đầy thách thức đối với nền kinh tế không chỉ riêng Việt Nam mà ảnh hưởng đến toàn cầu, khi dịch bệnh Covid ngày càng diễn biến phức tạp. Tăng trưởng kinh tế toàn cầu được dự báo vẫn tiếp tục suy giảm. Chính vì lẽ đó, Ban Quản Trị tích cực bám sát diễn biến nền kinh tế và đưa ra các chiến lược phù hợp với nội lực của công ty. Hội đồng quản trị xây dựng kế hoạch năm 2019 với quan điểm chỉ đạo nhất quán và xuyên suốt.

- Tiếp tục phát huy truyền thống đoàn kết cao, chia sẻ khó khăn, trên dưới một lòng trong giai đoạn khủng hoảng nhân sự và sự cạnh tranh khốc liệt nhất nhưng phải thực hiện nghiêm quy chế dân chủ ở doanh nghiệp.
- Luôn nêu cao vai trò tiên phong tiêu biểu trong quản lý và điều hành của người lãnh đạo, luôn rèn luyện đạo đức trong kinh doanh, luôn xác định tài chính minh bạch, trung thực chính xác. Thực hiện đúng nguyên tắc chế độ quy định pháp luật.
- Tiếp tục duy trì và phát triển hệ thống kho bãi, cửa hàng trên cơ sở vật chất hiện có, quản trị tồn kho hiệu quả để ứng phó với tình trạng lạm phát và tỷ giá tăng cao. Hoàn thiện nâng cấp các cửa hàng xăng dầu và bách hóa ngày càng khang trang và sạch đẹp, xây dựng chiến lược bán hàng đa dạng, chính sách giá cả hợp lý để khôi phục niềm tin của người tiêu dùng.

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2020
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	121
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	4.6
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	24
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	17,5
Tỉ lệ cổ tức	%	10



# BÁO CÁO QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

BAN KIỂM SOÁT

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT



## HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	-	-
2	Bà Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	431.613	3,57%
3	Ông Lê Xuân Trình	Thành viên	2.158	0,02%
4	Bà Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	-	-
5	Ông Dương Xuân Phát	Thành viên	-	-

### Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị

#### ÔNG NGUYỄN TUẤN QUỲNH - CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh	24/12/1964
Nơi sinh	Hà Nội
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Kinh tế quốc dân - Cử nhân
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>1988 - 1992 Phòng tổ chức cán bộ Tổng kho xăng dầu Nhà Bè - Công ty xăng dầu Khu vực II</li> <li>1993-2009 Phòng Kinh doanh xăng dầu Công ty Xăng dầu Khu vực II</li> <li>2009 đến nay Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TM và DV Long Hưng</li> <li>2010 - 2011 Chủ tịch HĐQT kiêm TGD Công ty vận tải dầu khí Mekong</li> <li>2011 đến nay Phó Chủ tịch HĐQT Công ty vận tải dầu khí Mekong</li> <li>2009 đến nay Ủy viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau</li> <li>05/05/2018 Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau</li> </ul>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH TMDV Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	<ul style="list-style-type: none"> <li>Đại diện Công ty 6.172.996 cổ phần</li> <li>Cá nhân sở hữu Không</li> </ul>

#### BÀ NGUYỄN THỊ VIỆT ÁNH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Xem lý lịch tại mục Ban Điều hành trang []

### Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

#### ÔNG LÊ XUÂN TRÌNH - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh	16/01/1961
Nơi sinh	Hưng Yên
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư Kinh tế, Kỹ sư Địa Vật lý
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>12/2006 - 06/2008 Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Chế biến và Kinh doanh Sản phẩm Dầu mỏ (PDC).</li> <li>07/2008 đến nay Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL)</li> <li>04/05/2014 - nay Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau</li> </ul>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PVOIL) kiêm Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Kho ngầm Xăng dầu Dầu khí Việt Nam (PVOS).

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay

- Cá nhân sở hữu 2.158 cổ phần
- Đại diện sở hữu 1.662.534 cổ phần (Nhà đầu tư chiến lược: Tổng Công ty Dầu Việt Nam - Công ty Cổ phần)

#### Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Không

#### BÀ NGUYỄN THỊ HIỀN - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh	10/10/1972
Nơi sinh	Tỉnh Thái Bình
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cao đẳng kinh tế đối ngoại - Kỹ thuật viên xăng dầu
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>1992 - 1994 Nhân viên tại cửa hàng xăng dầu Petrolomex</li> <li>2005 đến nay Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng; Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau</li> <li>05/05/2018 Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau</li> </ul>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Hội đồng quản trị CTCP Thương nghiệp Cà Mau
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không



## Lý lịch Thành viên Hội đồng quản trị (tiếp theo)

### ÔNG DƯƠNG XUÂN PHÁT - THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Ngày sinh	23/11/1959
Nơi sinh	Tỉnh Vĩnh Long
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân tài chính kế toán

#### Quá trình công tác

- 1983 - 1992 Cán bộ phòng kế hoạch Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long
- 06/1992 - 1993 Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long
- 07/1993 - 1994 Trưởng phòng nghiệp vụ kiêm Kế toán trưởng Công ty Lương thực tỉnh Cửu Long (Ban Tài Chính Tỉnh Ủy Vĩnh Long)
- 1994 - 09/1996 Tổ trưởng tổ kinh doanh - Phòng kinh doanh Công ty Sài Gòn Petro (Công ty TNHH MTV Dầu Khí TP.HCM)
- 09/1996 - 03/1997 Giám đốc chi nhánh Công ty Sài Gòn Petro tại Vũng Tàu
- 04/1997 đến 2016 Phó phòng kinh doanh xuất nhập khẩu Công ty Sài Gòn Petro
- 08/2016 đến nay Phó Giám đốc Công ty TNHH TMDV Long Hưng
- 05/05/2018 đến nay Phó Giám đốc Công ty TNHH TM và DV Long Hưng, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

Chức vụ hiện nay tại Công ty Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau.

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay 0 cổ phần

Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan Không



## Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Chủ tịch	5/5/2018	4/4	100%	-
2	Nguyễn Thị Việt Ánh	Thành viên	5/5/2018	4/4	100%	-
3	Nguyễn Thị Hiền	Thành viên	5/5/2018	4/4	100%	-
4	Dương Xuân Phát	Thành viên	5/5/2018	4/4	100%	-
5	Lê Xuân Trình	Thành viên	5/5/2013	2/2	100%	-

## Trong năm Hội đồng quản trị đã đưa ra những Nghị quyết/ Quyết định

STT	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT-2019	28/03/2019	Về việc thông qua Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018 đã kiểm toán; Thông qua kế hoạch tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019; Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh; Thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2019; Thông qua kế hoạch tiền lương năm 2019; Thông qua việc cho thuê tòa nhà số 45 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Thành phố Cà Mau; Thông qua kế hoạch đầu tư tài sản cố định; Thông qua bổ nhiệm Chủ tịch Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên Bách Việt.
2	02/NQ-HĐQT-2019	2/5/2019	Về việc Thông qua kết quả kinh doanh quý I năm 2019; thông qua đơn xin nghỉ việc của ông Thái Trường An - Phó Tổng Giám đốc, thông qua bổ nhiệm ông Lưu Hoàng Thống.
3	03/NQ-HĐQT-2019	9/9/2019	Về việc thông qua giải thể: Chi nhánh Công ty cổ phần Thương Nghiệp Cà Mau tại Đồng Tháp, Cửa hàng Bách hóa Thới Bình, Cửa hàng Bách hóa Lê Lợi, Thông qua việc cho thuê tòa nhà số 98-99 đường Trần Phú, Phường 7, Thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu, Thông qua chốt danh sách cổ đông về việc chi trả 10% cổ tức còn lại của năm 2018 bằng tiền mặt.
4	04/NQ-HĐQT-2019	31/12/2019	Về việc thông qua kế hoạch kinh doanh và kế hoạch cổ tức năm 2020; Thông qua kế hoạch tiền lương năm 2020, Thông qua ủy quyền thế chấp tài sản và thực hiện quan hệ tín dụng tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau, Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Cà Mau và Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị

Không có



## Về Công tác tổ chức

Vấn biết con người là yếu tố quan trọng nhưng xuyên suốt trong nhiều năm từ lúc thành lập Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau đến nay 01/12/2007 nhân sự Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc liên tục biến động, thậm chí số nhân sự có chuyên môn cao, kinh nghiệm thị trường tốt chuyển sang làm chủ hoặc sang kinh doanh ở các lĩnh vực khác ít áp lực về công việc và thời gian. Hiện nay số cán bộ lâu năm ít tiếp cận với môi trường kinh doanh mới, ít chủ động trong công việc, cũng rất nặng nề và khó xử trong khâu quản lý và điều hành của Ban Tổng Giám Đốc.

Nhưng với truyền thống đoàn kết, trách nhiệm, tất cả vì sự phát triển của Công ty, sự kiên định của tập thể, sự kiên nhẫn ở nhiều vị trí của một số lãnh đạo mọi người đã nỗ lực tập trung điều hành linh động, quyền quyết đoán trên cơ sở điều lệ quy định và quy chế Công ty luôn tuân thủ pháp luật kinh doanh với các phương thức linh hoạt, thích ứng với cơ chế thị trường nên hoạt động kinh doanh năm 2019 vẫn tiếp tục ổn định và có hiệu quả. Đời sống người lao động luôn được nâng lên về vật chất lẫn tinh thần và thực hiện tốt các chính sách của Nhà nước và Công ty quy định

## Về Công tác quản lý sản xuất kinh doanh

Đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty với nhiều ngành hàng : Xăng, dầu, gas, nhớt, bách hóa điện máy và các hàng hóa khác. Hệ thống phân phối ngành hàng trong và ngoài tỉnh Cà Mau: Bạc Liêu; Ngã Năm, Sóc Trăng, Hậu Giang, An Minh, Kiên Giang, Đồng Tháp, Và Thành phố Hồ Chí Minh,...

Với các phương thức bán hàng linh hoạt phục vụ nhu cầu tiêu dùng của mọi đối tượng khách hàng đường sông lẫn đường bộ; thành phố; thị trấn đến các vùng sâu vùng xa, bán hàng tự chọn, bán trả góp, bán buôn, bán buôn lẻ và bán lẻ,... và đây vẫn là thế mạnh và nét riêng hình thành nên thương hiệu Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau trong nhiều năm.

Tình hình kinh doanh càng ngày càng khó khăn, cạnh tranh khốc liệt về cả xăng dầu, bách hóa, điện máy, ... nhưng thật sự khó khăn chông chốt khó khăn là lĩnh vực xăng dầu chưa chủ động được nguồn hàng nên quá trình quản lý cập nhật không theo kịp tình hình chung dẫn đến hiệu quả không cao, thị phần giảm sút, lợi nhuận giảm cùng với các cửa hàng tuyến sông sản lượng ngày càng giảm, sụt lở đất dẫn đến không an toàn. Khả năng sẽ đóng cửa 3 cửa hàng mé sông ở Tân Trung (Năm Căn), Tân Tiến (Đầm Dơi), và Đầm Cù (Năm Căn).

Vì vậy để có sự ổn định và cân bằng trong định hướng và chiến lược quản lý tốt trong kinh doanh. Công ty đã xác định và tiếp tục kinh doanh đa ngành, đa nghề, đa phương thức tăng dần tỷ trọng hàng bách hóa tạo thế chân kiềng tạo sự an toàn và ổn định trong giai đoạn kinh doanh khó khăn hiện nay.

Song song đó, tiếp tục tái cơ cấu, kho bãi, phương tiện, sắp xếp gọn nhẹ giảm chi phí hợp lý để gia tăng lợi nhuận. Tăng cường các chính sách hậu mãi tốt với phong cách phục vụ thể hiện văn hóa Thương nghiệp Cà Mau.

- Năm 2018 tỷ trọng xăng dầu chiếm **28% doanh thu.**
- Năm 2019 tỷ trọng xăng dầu **28.25% doanh thu.**
- Sản lượng xăng dầu năm 2018/2019 **đạt 91.79%**

Trên cơ sở điều lệ quy định, quy chế của Công ty và quy định của pháp luật Nhà nước, Ban Tổng Giám Đốc tiếp tục điều hành các vị lãnh đạo từng khu vực, từng lĩnh vực trên tinh thần phát huy chủ động, năng nổ và trách nhiệm cá nhân, quản lý chặt chẽ, đảm bảo việc kinh doanh thông suốt.

## Về Công tác quản lý tài chính

Căn cứ vào điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Ban Tổng Giám Đốc chỉ đạo tiếp tục cập nhật và hoàn thiện hệ thống quy chế làm việc, quy chế trả lương, trả thưởng. Quy định chức năng nhiệm vụ, trách nhiệm của từng người, từng vị trí, từng loại hình trong các lĩnh vực khác nhau cho phù hợp với từng thời điểm, từng giai đoạn kinh doanh trong môi trường phức tạp, cạnh tranh khốc liệt nên phương châm của Ban Tổng Giám đốc xác định từng bước đi thận trọng vừa kiện toàn vừa phát triển với phương châm "Chậm mà chắc" tiếp tục tái cấu trúc toàn diện, nhân sự, kinh doanh, phương tiện, công cụ. Điều chỉnh giảm chi phí trên cơ sở định mức hợp lý, sắp xếp phân bổ tuyển theo từng khu vực của từng cửa hàng để cự ly giao hàng ngắn nhất, phương tiện đủ tải, giao hàng tay ba, không qua kho. Sắp xếp điều chỉnh các kho phù hợp để sử dụng xe nâng tay, giảm bớt lao động chân tay ở các khâu nhập hàng nặng (bia, nước mắm, nước tương,...)

Quy định và điều chỉnh phù hợp chi phí công tác, nhiên liệu, công cụ phục vụ kinh doanh trên tinh thần tiết kiệm, hiệu quả nhất; đồng thời luôn cập nhật và tuân thủ các chuẩn mực kế toán Việt Nam. Các quy định hướng dẫn hiện hành, đảm bảo việc hạch toán số liệu luôn trung thực đầy đủ, minh bạch, rõ ràng, chính xác, kịp thời.

## Về Công tác quản lý và đầu tư

**Dự toán năm 2019 với tổng số 18.881.973 tỷ đồng nhưng chỉ thực hiện 8.104.855 tỷ đồng còn lại 2 công trình tiếp tục chuyển sang năm 2020 thi công là:**

- Kho Công nghệ Thực phẩm Hộ Phòng với dự toán 700 triệu.
- Tổng kho Bách hóa Năm Căn, cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại ấp Chổng Mỹ, xã Hàm Rồng, huyện Năm Căn diện tích 12.500m<sup>2</sup> với dự toán 14.981.000 tỷ đồng.

**Các công trình đã đưa vào sử dụng và tăng tài sản cố định trong năm 2019 là 3.736.355.974 tỷ đồng.**

- Kho Công nghệ Thực phẩm Trà Kha dự toán : 3.200.000.000 đồng (Quyết toán: 3.104.855.974 đồng)
- Vô lái (Gas Total đầu tư): 281.500.000 đồng
- 2 xe nâng hàng (Bia Việt Nam đầu tư): 350.000.000 đồng

## Về Xây dựng văn hóa Doanh nghiệp

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám Đốc luôn quan tâm nâng cao ý thức "Văn minh văn hóa thương nghiệp" tạo một nét riêng mang dấu ấn Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau thông qua xây dựng nội quy, quy chế phong cách thái độ phục vụ, ứng xử giao tiếp trong nội bộ cũng như các đối tác, khách hàng với môi trường thân thiện tôn trọng và đoàn kết.

Hàng hóa được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng, sạch sẽ, xuất xứ rõ ràng, niêm yết đúng giá, đúng chất lượng và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm, PCCC theo quy định của nhà sản xuất và Nhà nước.

Công ty nghiêm túc không tạo điều kiện chi hàng gian, hàng giả, hàng kém chất lượng, gian lận thương mại vào trong hệ thống Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau. Vì vậy, trong nhiều năm qua Công ty đã tiếp tục tạo được lòng tin, sự tín nhiệm, đánh giá cao từ các đối tác, các khách hàng người tiêu dùng trong và ngoài tỉnh.



## BAN KIỂM SOÁT

### Danh sách thành viên Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Đỗ Cao Sơn	Trưởng BKS	-	-
2	Trần Chí Hiếu	Thành viên	74.967	0,62%
3	Ngô Thế Anh	Thành viên	-	-

### Lý lịch Ban Kiểm Soát

#### ÔNG ĐỖ CAO SƠN - TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Ngày sinh	1987
Nơi sinh	Việt Nam
Quốc tịch	Việt Nam
Địa chỉ thường trú	8.02 Lô A, Chung cư Thủ Thiêm lô P, Phường Bình Trưng Đông, Quận 2, TP Hồ Chí Minh
Trình độ văn hoá	12/12
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Kinh Tế
Quá trình công tác:	Chuyên viên tư vấn dịch vụ kế toán và thuế - Công ty TNHH kế toán Kim Thủy
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Phụ trách kế toán - Công ty TNHH Thương Mại và Dịch vụ Long Hưng
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không

### Lý lịch Ban Kiểm Soát (tiếp theo)

#### ÔNG TRẦN CHÍ HIẾU - KIỂM SOÁT VIÊN

Ngày sinh	05/07/1962
Nơi sinh	Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Đại học Tài chính - Kế toán
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>09/1981 - 04/1997 Kế toán, Kế toán trưởng Công ty Thương nghiệp Cà Mau</li> <li>05/1997 - 11/2007 Phó Tổng Giám đốc Công ty Thương nghiệp Cà Mau.</li> <li>12/2007 - 05/05/2018 Trưởng Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt.</li> <li>05/05/2018 - nay Kiểm soát viên CTCP Thương nghiệp Cà Mau</li> </ul>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau
Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác	Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	74.967 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

#### ÔNG NGÔ THẾ ANH - KIỂM SOÁT VIÊN

Ngày sinh	15/07/1983
Nơi sinh	Cà Mau
Quốc tịch	Việt Nam
Trình độ chuyên môn	Cử nhân Luật
Quá trình công tác	<ul style="list-style-type: none"> <li>7/2006 - 5/2008 Nhân viên Ban Pháp chế - CTCP Tập đoàn Mai Linh</li> <li>5/2008 - 2/2011 Chuyên viên Ban Thanh tra Pháp chế - Tổng Công ty Dầu Việt Nam (PV Oil)</li> <li>2018 - nay Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau</li> </ul>
Chức vụ hiện nay tại Công ty	Thành viên Ban Kiểm soát CTCP Thương nghiệp Cà Mau
Chức vụ hiện nay tại Công ty khác	Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Bách Việt
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay	0 cổ phần
Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của những người có liên quan	Không có

## Hoạt động giám sát của Ban Kiểm soát đối với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành

Kiểm soát chặt chẽ hoạt động của Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc trong các công tác sau:

- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc đảm bảo thực hiện đúng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2019.
- Xem xét tính phù hợp của các Nghị quyết HĐQT trong công tác quản lý điều hành đảm bảo tuân thủ Điều lệ công ty và các quy định của Pháp luật.
- Giám sát hoạt động kinh doanh và kiểm tra tình hình tài chính của công ty năm 2019.
- Thẩm tra các báo cáo tài chính quý.

Giám sát việc thực thi công tác công bố thông tin với mục tiêu đảm bảo tính minh bạch về tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của công ty theo đúng quy định của Luật chứng khoán. Qua đó tạo điều kiện thuận lợi để cổ đông và các nhà đầu tư thực hiện tốt chức năng giám sát, kiểm soát các hoạt động của công ty.

## Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2019 Ban kiểm soát đã chủ động thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định pháp luật, điều lệ và quy chế quản trị của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch giám sát tình hình thực hiện các nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thường niên, giám sát việc tuân thủ điều lệ, các quy chế nội bộ của Công ty.
- Kiểm tra kết quả sản xuất kinh doanh, tình hình đầu tư tài chính phân tích đánh giá hiệu quả hoạt động, năng lực bảo toàn vốn và phát triển nguồn vốn của Công ty và các đơn vị thành viên do Công ty góp vốn.

## CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

### Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích khác

Đơn vị tính: đồng

STT	Họ và tên	Lương/ Thù lao	Thưởng
<b>1</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		
	Nguyễn Tuấn Quỳnh	84.000.000	-
	Nguyễn Thị Việt Ánh	60.000.000	-
	Lê Xuân Trình	60.000.000	-
	Nguyễn Thị Hiền	60.000.000	-
	Dương Xuân Phát	60.000.000	-
<b>2</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		
	Đỗ Cao Sơn	32.000.000	-
	Trần Chí Hiếu	36.000.000	-
	Ngô Thế Anh	36.000.000	-
<b>3</b>	<b>Ban điều hành</b>		
	Nguyễn Thị Việt Ánh	646.897.273	200.000.000
	Lưu Hoàng Thống	397.375.335	-
	Nguyễn Thị Việt Ngọc	376.349.167	120.000.000
	Phù Chí Anh	239.538.888	108.000.000

### Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ

Không có



## Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ

STT	Tên cổ đông	Loại cổ đông	Chức vụ/Liên quan	Số lượng CP trước giao dịch	Giao dịch	Số lượng CP đã giao dịch	Số lượng CP sau giao dịch	Thời gian thực hiện
1	Nguyễn Tuấn Quỳnh	Cổ đông nội bộ	Chủ tịch HĐQT	4.433.425	Mua	1.739.571	6.172.996	Từ 10/01/2019 đến 28/01/2019
2	Nguyễn Hoàng Sơn Lâm	Cổ đông lớn	Nhà đầu tư	1.739.571	Bán	1.739.571	0	28/01/2019

## Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Quản trị Công ty được Camex xác định là nhân tố cốt lõi và được thực hiện xuyên suốt vòng đời của một doanh nghiệp. Mục tiêu là xây dựng một cơ cấu quản trị vững mạnh, đảm bảo theo đúng pháp luật, Điều lệ, các quy chế nội bộ và các tiêu chí nhằm đảm bảo được hoạt động của Công ty thực hiện một cách suôn sẻ, nhất quán theo đuổi các mục tiêu vì lợi ích của Công ty và của các cổ đông. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc giám sát hoạt động của Công ty một cách hiệu quả, từ đó khuyến khích Công ty sử dụng các nguồn lực một cách tốt nhất.

Năm 2019, Công ty đã tiếp tục rà soát và nâng cao năng lực của hệ thống quản trị, hướng tới các mục tiêu chính là: hoàn thiện toàn bộ hệ thống quản trị hướng tới các thông lệ quản trị tốt nhất trên thị trường nhưng đảm bảo phát huy được bản sắc riêng và các giá trị cốt lõi của Camex; tối ưu hóa các công cụ quản trị nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, tăng năng suất lao động, đồng thời phải gắn được lợi ích của từng cá nhân với hiệu quả hoạt động của Công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn nâng cao kiến thức quản trị cho các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc thông qua việc cử các cán bộ đi đào tạo theo thông báo của UBCKNN, các cơ quan liên quan và các lớp học quản trị Công ty. Từ đó, nâng cao hiệu quả kinh doanh, nâng cao khả năng tiếp cận nguồn vốn, giảm chi phí vốn cũng như tạo dựng lòng tin đối với cổ đông, nhà đầu tư.



# BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ý KIẾN KIỂM TOÁN

BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2019



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH  
CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG NGHIỆP CÀ MAU**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau (sau đây gọi tắt là “Công ty mẹ”) và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2020, từ trang 09 đến trang 55, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

### Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tập đoàn (Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau và các công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt, Công ty Cổ phần In Bạc Liêu) tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập phù hợp với Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan về việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

*Tp. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 3 năm 2020.*

**Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (VIETVALUES)**



**Đỗ Thị Hương – Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số 0967-2018-071-1  
*Chữ ký được ủy quyền*

**ThS. Nguyễn Thị Ngọc Nga - Kiểm toán viên**  
Giấy CNDKHN kiểm toán số: 0351-2018-071-1

### Nơi nhận:

- Như trên.
- Lưu VIETVALUES.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
100	<b>A- TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		611.171.210.249	597.258.192.772
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	V.1	57.717.871.258	89.933.609.826
111	1. Tiền		57.717.871.258	88.572.416.748
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	1.361.193.078
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		10.000.000.000	10.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	V.2	10.000.000.000	10.000.000.000
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		154.248.964.195	154.397.922.558
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.3	114.107.137.537	126.925.944.258
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.4	14.297.655.184	6.990.001.244
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.5a	28.568.710.703	23.213.513.326
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(3.068.995.130)	(2.732.697.321)
139	5. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	344.455.901	1.161.051
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>		384.027.482.258	339.549.431.178
141	1. Hàng tồn kho	V.8	384.027.482.258	340.231.761.269
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(682.330.091)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		5.176.892.538	3.377.229.210
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9a	371.082.538	369.491.827
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		4.805.810.000	3.007.737.383
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	V.15	-	-
200	<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		122.248.090.713	113.993.674.073
210	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		2.551.980.000	2.247.420.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.5b	2.551.980.000	2.247.420.000
220	<b>II. Tài sản cố định</b>		101.760.820.763	101.575.924.639
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.10	66.167.703.906	65.899.312.914
222	- Nguyên giá		163.087.634.127	155.062.550.880
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(96.919.930.221)	(89.163.237.966)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính		-	-
227	3. Tài sản cố định vô hình	V.11	35.593.116.857	35.676.611.725
228	- Nguyên giá		37.148.966.663	37.148.966.663
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.555.849.806)	(1.472.354.938)
230	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>		-	-
240	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		1.385.551.704	882.613.000
241	1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn		-	-
242	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.12	1.385.551.704	882.613.000
250	<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	V.2	5.192.720.900	5.140.197.900
251	1. Đầu tư vào công ty con		-	-
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		-	-
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		8.499.577.200	8.499.577.200
254	4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.306.856.300)	(3.359.379.300)
260	<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>		11.357.017.346	4.147.518.534
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.9b	11.357.017.346	4.147.518.534
262	2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		-	-
269	3. Lợi thế thương mại		-	-
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		733.419.300.962	711.251.866.845

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1	2	3	4	5
300	<b>A- NỢ PHẢI TRẢ</b>		551.426.808.909	531.365.681.565
310	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		549.876.808.909	531.365.681.565
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.13	210.121.951.243	215.456.247.272
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.14	1.259.826.117	1.489.812.593
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.15	4.566.353.401	6.708.196.733
314	4. Phải trả người lao động	V.16	20.802.946.817	22.400.246.487
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.17	2.293.522.914	2.707.685.196
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	V.18	872.603.954	926.866.853
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	3.526.463.611	6.631.165.002
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20a	303.600.985.788	272.292.872.817
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	2.832.155.064	2.752.588.612
330	<b>II. Nợ dài hạn</b>		1.550.000.000	-
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	450.000.000	-
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.20b	1.100.000.000	-
400	<b>B- NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		181.992.492.053	179.886.185.280
410	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	V.22	181.992.492.053	179.886.185.280
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		121.039.120.000	121.039.120.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		121.039.120.000	121.039.120.000
411b	- Cổ phiếu ưu đãi		-	-
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		1.750.000.000	1.750.000.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		1.637.790.000	1.637.790.000
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		28.395.005.354	26.145.075.985
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		21.314.417.017	21.393.155.526
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		5.419.210.764	15.348.574.792
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		15.895.206.253	6.044.580.734
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		7.856.159.682	7.921.043.769
430	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
440	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		733.419.300.962	711.251.866.845

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	4.728.813.920.038	4.656.849.659.890
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.2	37.134.286	80.016.461
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		4.728.776.785.752	4.656.769.643.429
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.3	4.549.080.387.852	4.472.547.405.773
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		179.696.397.900	184.222.237.656
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.4	8.076.964.256	8.021.462.989
22	7. Chi phí tài chính	VI.5	16.805.907.483	13.878.692.246
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		16.611.045.901	14.154.462.229
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	VI.6	147.793.726.562	143.944.982.277
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.7	24.828.823.721	32.557.600.947
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(1.655.095.610)	1.862.425.175
31	12. Thuế nhập khẩu	VI.8	27.889.334.076	29.104.151.883
32	13. Chi phí khác	VI.9	10.546.982	60.624.987
40	14. Lợi nhuận khác		27.878.787.094	29.043.526.896
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		26.223.691.484	30.905.952.071
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.10	7.873.502.415	8.589.523.852
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		18.350.189.069	22.316.428.219
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		16.736.932.928	20.554.164.539
62	20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát		1.613.256.141	1.762.263.680
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	VI.12a	1.224	1.495
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	VI.12b	1.224	1.495

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		26.223.691.484	30.905.952.071
	2. Điều chỉnh các khoản		22.663.920.419	27.769.529.132
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	V.9-10	7.987.687.123	6.873.946.237
03	- Các khoản dự phòng	V.5-12	398.555.282	2.919.360.729
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(2.701.573.536)	3.225.964.636
06	- Chi phí lãi vay		16.979.251.550	14.750.257.530
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		48.887.611.903	58.675.481.203
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		8.766.844.314	13.476.667.082
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho	V.8	(43.795.720.989)	868.715.954
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)		(23.673.217.981)	(42.322.936.989)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước	V.8	(7.211.089.523)	(1.831.912.474)
13	- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(16.894.793.040)	(14.635.318.313)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.15	(8.026.925.079)	(6.370.913.636)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	594.618.078
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	V.21	(2.714.783.844)	(4.524.880.109)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(44.662.074.239)	3.929.320.796
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(8.693.147.951)	(11.185.791.393)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		9.000.000	236.363.636
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(10.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.649.329.551	795.127.678
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(7.034.818.400)	(20.154.300.079)
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	V.20	2.380.351.000.973	2.259.821.851.572
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	V.20	(2.347.942.888.002)	(2.216.727.517.492)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.22	(12.926.958.900)	(14.073.903.395)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		19.481.154.071	29.020.430.685
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)		(32.215.738.568)	12.795.451.402
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		89.933.609.826	77.138.158.424
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	V.1	57.717.871.258	89.933.609.826

Người lập biểu

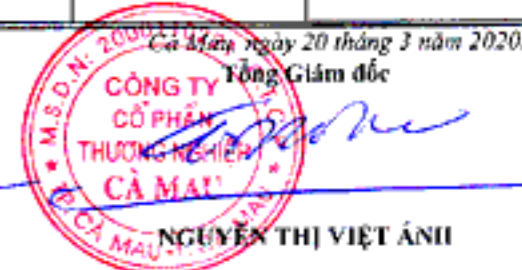
Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

PHÙ CHỈ ANH

PHÙ CHỈ ANH

NGUYỄN THỊ VIỆT ANH





## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau - Công ty mẹ và 02 công ty con là Công ty TNHH MTV Bách Việt và Công ty Cổ phần In Bạc Liêu (sau đây gọi là "Tập đoàn")

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Là công ty cổ phần

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Thương mại – dịch vụ

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Xăng dầu (dầu, dầu nhờn), khí hóa lỏng.
- Hàng công nghệ thực phẩm, rượu, bia, thuốc lá điếu các loại, nước giải khát;
- Hàng nông sản, thủy hải sản chế biến, thực phẩm các loại, hóa mỹ phẩm các loại, xà phòng các loại, chất tẩy rửa các loại;
- Vật liệu xây dựng, hàng kim khí điện máy, các mặt hàng gia dụng, xe gắn máy, máy nông ngư cơ, phụ tùng xe máy, phụ tùng máy nông ngư cơ, phương tiện phòng cháy chữa cháy;
- Sách giáo khoa, dụng cụ học sinh, dụng cụ văn phòng.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tập đoàn không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Tập đoàn trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm qua, các chính sách chiết khấu, thưởng doanh số, hỗ trợ từ nhà cung cấp có thay đổi so với năm trước nên ảnh hưởng hiệu quả kinh doanh đến từng loại và tổng thể cả năm

#### 6. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 02 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ (Xem thuyết minh IV.6b)

Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

#### 6a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Trong năm, Tập đoàn không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

#### 6b. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Bách Việt	Số 232 đường Lý Văn Lâm, phường 1, TP. Cà Mau, tỉnh Cà Mau	Mua bán bách hóa, hàng tiêu dùng, thực phẩm công nghệ, ...	100,00%	100,00%	100,00%	100,00%
Công ty Cổ phần In Bạc Liêu	Số 160 Hoàng Văn Thụ, phường 3, TP. Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu	In văn kiện, tài liệu cơ quan Đảng và Nhà nước; in báo chí tạp san...	55,00%	55,00%	55,00%	55,00%

#### 6c. Các Công ty con bị loại khỏi quá trình hợp nhất

Tập đoàn không có công ty con bị loại trong quá trình hợp nhất

#### 6d. Danh sách các Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

#### 6e. Danh sách các Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Công ty liên kết ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

#### 6f. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

#### 6g. Danh sách các Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Tập đoàn không có Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát ngừng áp dụng hoặc không áp dụng phương pháp vốn chủ sở hữu khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

#### 6h. Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Bạc Liêu	Lô B6, đường D1, KCN Trà Kha, phường 8, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Sóc Trăng	Số 268D, lộ Thanh Niên, khu 1, thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng
Chi nhánh: Trạm chiết nạp gas Định Bình	Quốc lộ 1A, ấp Cây Trâm, xã Định Bình, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	Lô H14, số 11-12-13-14-15-16 đường Lê Hồng Phong, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại thành phố Hồ Chí Minh	Số 43, đường số 6, cư xá Bình Thới, phường 8, quận 11, thành phố Hồ Chí Minh
Chi nhánh trung tâm phân phối hàng tiêu dùng Cà Mau – Bạc Liêu	Đường H1, khu đô thị mới, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Đồng Tháp	Số 494, Ấp 1, xã Mỹ Tân, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp
Chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Hậu Giang	Quốc lộ 61, Ấp 9, xã Vị Thắng, huyện Vị Thủy, tỉnh Hậu Giang

Ngoài ra, Công ty còn có các cửa hàng trực thuộc trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

#### 6) Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Ngoài thay đổi nhân sự chủ chốt trong báo cáo Hội đồng quản trị, Tập đoàn không có những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh trong năm.

#### 7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Tập đoàn có 797 nhân viên đang làm việc tại các công ty con trong Tập đoàn (số đầu năm là 806 nhân viên).

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập báo cáo là Đồng Việt Nam (VND) đo việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng Luật Kế toán, Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC thay thế cho phần XIII - Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 25 “Báo cáo tài chính hợp nhất và kế toán các khoản đầu tư vào công ty con”. Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán, các Thông tư nêu trên và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Theo đó, bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính năm được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết

quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Điều hành đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Hình thức kế toán áp dụng: Chứng từ ghi sổ.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

### 3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Công ty không phát sinh các giao dịch bằng ngoại tệ.

### 4. Lãi suất thực tế (lãi suất hiệu lực) dùng để chiết khấu dòng tiền

Tập đoàn không phát sinh chiết khấu dòng tiền.

### 5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm: tiền mặt, tiền đang chuyển và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư (có thời hạn gốc không quá ba tháng), có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 6. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

#### *Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác*

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhận với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### 7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:

- 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm;
- + 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm;
- + 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm;
- + 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.

Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

### 8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản cố định theo thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

*Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản cố định:*

Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 50 năm
Máy móc, thiết bị	03 - 10 năm
Phương tiện vận tải	06 - 15 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	03 - 10 năm

## 10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất: được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian giao đất (20 - 50 năm), quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

### *Chương trình phần mềm*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

## 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý công như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## 12. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên hàng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## 13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

## 14. Quỹ lương

Quỹ lương của Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau và Công ty TNHH MTV Bách Việt được trích như sau:

Cơ sở trích lập quỹ lương theo biên bản họp Hội đồng Quản trị số 01/2019/BBH-HĐQT và Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 01/NQ-ĐHD-2018 ngày 28 tháng 3 năm 2019. Theo đó, đơn giá tiền lương là 8.000.000 đồng x tổng số lao động là 629 người.

Quỹ lương của Công ty CP In Bạc Liêu được trích trên cơ sở:

Quỹ lương thực hiện được = Tiền lương bình quân x Số lượng lao động x 12 tháng

*Trong đó:*

+ Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ-2019 ngày 25/04/2019 tiền lương bình quân dự kiến là 7.200.000 đồng/ người/ tháng.

+ Số lượng lao động định biên là 120 người. Số lao động thực tế đến 31/12/2019 là 124 người, số lao động thực tế bình quân trong năm 2019 là 116 người.

## 15. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Phân phối lợi nhuận*

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Tập đoàn cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 16. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm chủ yếu là hàng bán hóa và xăng dầu*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tập đoàn không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định trong đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động*

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

### *Tiền lãi từ tiền gửi ngân hàng*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng năm.

## 17. **Các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu là các khoản được điều chỉnh giảm trừ vào tổng doanh thu trong năm bao gồm các khoản hàng bán bị trả lại.

## 18. **Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí khác được tính vào giá vốn hoặc giảm giá vốn hàng bán.

## 19. **Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## 20. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 21. **Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Tập đoàn.

## 22. **Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

Thuế giá trị gia tăng: theo phương pháp khấu trừ.

Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% (hai mươi phần trăm) lợi nhuận thu được từ hoạt động kinh doanh.

Các loại thuế khác theo quy định hiện hành tại thời điểm nộp thuế hàng năm.

## 23. **Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

### 24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

### 25. Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

### 26. Số liệu so sánh

	Số năm trước	Các điều chỉnh	Số năm trước trình bày lại <sup>(*)</sup>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.492	3	1.495
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.492	3	1.495

(\*) Lãi cơ bản trên cổ phiếu và Lãi suy giảm trên cổ phiếu được trình bày lại trên Báo cáo tài chính do điều chỉnh lại số tiền trích lập thực tế Quỹ khen thưởng, phúc lợi theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/NQ-ĐHĐ-2019 ngày 04 tháng 5 năm 2019.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	28.247.333.120	41.790.097.969
Tiền gửi ngân hàng	29.470.538.138	46.782.318.779
Các khoản tương đương tiền	-	1.361.193.078
<b>Cộng</b>	<b>57.717.871.258</b>	<b>89.933.609.826</b>

Tập đoàn không có tiền gửi ngân hàng phong tỏa, thẻ chấp đảm bảo vay.

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm: đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

#### 2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<b>Ngắn hạn</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>
Tiền gửi có kỳ hạn	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000	10.000.000.000
<b>Dài hạn</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Cộng</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>	<b>10.000.000.000</b>

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được sử dụng để cầm cố cho khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh V.20).

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Tập đoàn không có đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết.

## 2c. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiêu	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(3.359.379.300)</b>	<b>5.192.720.900</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(3.359.379.300)</b>	<b>5.140.197.900</b>
Công ty CP Saboco Sông Hậu	21.500.000	-	21.500.000	21.500.000	-	21.500.000
Tổng Công ty CP TM KT & Đầu tư Petec	4.186.371.000	(2.990.265.000)	1.196.106.000	4.186.371.000	(2.990.265.000)	1.196.106.000
Công ty Cổ phần Xăng dầu Dầu khí Sài Gòn	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000	-	3.000.000.000
Công ty CP Xăng dầu Dầu khí Nam Định	312.000.000	(141.419.100)	170.580.900	312.000.000	(161.026.100)	150.973.900
Công ty Cổ phần Cơ khí Petec	426.000.000	-	426.000.000	426.000.000	-	426.000.000
Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên 1	553.706.200	(175.172.200)	378.534.000	553.706.200	(208.088.200)	345.618.000
<b>Cộng</b>	<b>26.359.195.700</b>	<b>(3.306.856.300)</b>	<b>23.052.339.400</b>	<b>8.499.577.200</b>	<b>(3.359.379.300)</b>	<b>5.140.197.900</b>

\* Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu;
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Do đó, Công ty xác định giá trị hợp lý bằng giá gốc đầu tư trừ đi dự phòng. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này sẽ được điều chỉnh lại khi xác định được giá trị hợp lý theo quy định.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(3.359.379.300)	(3.855.045.983)
Trích lập dự phòng	(22.788.000)	(85.623.690)
Hoàn nhập dự Phòng	75.311.000	581.290.373
<b>Số cuối năm</b>	<b>(3.306.856.300)</b>	<b>(3.359.379.300)</b>

Tập đoàn không có Đầu tư tài chính dài hạn được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

*Cam kết góp vốn*

Tập đoàn không có cam kết góp vốn trung tương lai.

## 3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<b>114.107.137.537</b>	<b>126.925.944.258</b>
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Trà Kha	11.643.203.740	15.846.409.878
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm	13.410.586.053	12.489.868.222
Chi nhánh Công ty CP Thương nghiệp Cà Mau tại Kiên Giang	10.685.946.442	12.191.311.864
Cửa hàng Bách hóa An Minh	7.671.545.764	12.164.564.856
Cửa hàng Công nghệ Thực phẩm Tp. Cà Mau	7.058.283.466	11.652.718.017
Các khách hàng khác	63.637.572.072	62.581.071.421
<b>Cộng</b>	<b>114.107.137.537</b>	<b>126.925.944.258</b>

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng được cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## 4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước cho các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước cho các khách hàng khác</i>	<b>14.297.655.184</b>	<b>6.990.001.244</b>
Công ty TNHH Bia và NGK Heineken Việt Nam	10.981.904.260	918.131.329
Các khách hàng khác	3.315.750.924	6.071.869.915
<b>Cộng</b>	<b>14.297.655.184</b>	<b>6.990.001.244</b>

## 5. Phải thu khác

## 5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>308.380.000</b>	-	-	-
Tạm ứng	308.380.000	-	-	-
Lưu Hoàng Thống - PTGD	308.380.000	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>28.261.713.703</b>	-	<b>23.213.513.326</b>	-
Ký cược, ký quỹ	10.140.282.690	-	14.079.119.423	-
Phải thu hàng khuyến mãi hộ (*)	11.206.983.578	-	4.755.951.263	-
Dự thu tiền thưởng từ nhà cung cấp	5.452.517.636	-	2.592.725.237	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.461.929.799	-	1.785.717.403	-
<b>Cộng</b>	<b>28.570.093.703</b>	-	<b>23.213.513.326</b>	-

\* Phải thu hàng khuyến mãi hộ là khoản chi khuyến mãi hộ trước cho nhà cung cấp trả lại.

Tập đoàn không có các khoản phải thu ngắn hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.

## Ký quỹ, ký cược

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu về ký cược, ký quỹ các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu về ký cược, ký quỹ các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>10.140.282.690</b>	<b>14.079.119.423</b>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	2.100.000.000	2.800.000.000
Công ty TNHH Quốc Tế Unilever Việt Nam - Đồng Tháp	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	1.820.000.000	1.610.000.000
Các khách hàng khác	4.120.282.690	7.569.119.423
<b>Cộng</b>	<b>10.140.282.690</b>	<b>14.079.119.423</b>

## Phải thu hàng khuyến mãi hộ

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>11.206.983.578</b>	<b>4.755.951.263</b>
Hàng khuyến mãi hộ của Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	9.808.595.875	2.609.993.003
Hàng khuyến mãi hộ của Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	1.359.524.246	1.970.398.842
Các khách hàng khác	38.863.457	175.559.418
<b>Cộng</b>	<b>11.206.983.578</b>	<b>4.755.951.263</b>

## Dự thu tiền thưởng từ nhà cung cấp

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>5.452.517.636</b>	<b>2.592.725.237</b>
Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution	2.168.954.918	-
Công ty TNHH Total Gaz Việt Nam	1.664.111.625	1.190.941.950
Các khách hàng khác	1.619.451.093	1.401.783.287
<b>Cộng</b>	<b>5.452.517.636</b>	<b>2.592.725.237</b>

## 5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược vỏ bia và nước giải khát.

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự Phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	-	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>2.551.980.000</b>	-	<b>2.247.420.000</b>	-
Công ty TNHH Bia và Nước giải khát Việt Nam (VBB)	2.551.980.000	-	2.247.420.000	-
<b>Cộng</b>	<b>2.551.980.000</b>	-	<b>2.247.420.000</b>	-

Tập đoàn không có các khoản phải thu dài hạn khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp, bảo lãnh.



## 6. Nợ xấu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Cửa hàng PP Hàng tiêu dùng Trà Kha	678.152.818	-	914.890.875	-
Cửa hàng Bách Hóa An Minh	332.010.216	-	375.193.008	-
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Năm Căn	336.197.011	-	352.711.312	3.122.150
Cửa hàng PP Hàng Tiêu Dùng Sóc Trăng	325.661.639	-	325.661.639	-
Khách hàng các cửa hàng, chi nhánh khác	1.435.842.171	38.868.725	870.371.873	103.009.236
<b>Cộng</b>	<b>3.107.863.855</b>	<b>38.868.725</b>	<b>2.838.828.707</b>	<b>106.131.386</b>

\* Giá trị có thể thu hồi bằng Giá gốc trừ số nợ phải thu đã lập dự phòng.

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(2.732.697.321)	-
Trích lập trong năm	(682.884.547)	(2.732.697.321)
Hoàn nhập dự phòng	346.586.738	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>(3.068.995.130)</b>	<b>(2.732.697.321)</b>

## 7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là hàng tồn kho kiểm kê thiếu đang chờ xử lý.

## 8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	-	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	3.466.509.423	-	3.180.053.198	-
Công cụ, dụng cụ	129.218.914	-	123.390.375	-
Chi phí SXKD dở dang	-	-	-	-
Thành phẩm	-	-	-	-
<b>Hàng hóa</b>	<b>380.431.753.921</b>	<b>-</b>	<b>336.928.317.696</b>	<b>682.330.091)</b>
<b>Cộng</b>	<b>384.027.482.258</b>	<b>-</b>	<b>340.231.761.269</b>	<b>682.330.091)</b>

Trong đó:

- Công ty không có Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ.
- Giá trị hàng tồn kho dùng thế chấp để đảm bảo khoản vay với số tiền 32.904.078.276 VND (xem thuyết minh V.20).

## 9. Chi phí trả trước

## 9a. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	77.875.905	39.991.827
Tiền thuê nhà	249.000.000	329.500.000
Chi phí khác	44.206.633	-
<b>Cộng</b>	<b>371.082.538</b>	<b>369.491.827</b>

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết gồm	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	369.491.827	1.363.640
Tăng trong năm	3.324.723.434	2.145.248.607
Phân bổ trong năm	(3.288.132.723)	(1.777.120.426)
Giảm khác	(35.000.000)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>371.082.538</b>	<b>369.491.827</b>

## 9b. Chi phí trả trước dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	413.936.641	533.213.541
Tiền thuê nhà	118.181.818	70.000.000
Chi phí sửa chữa	2.106.355.330	1.991.305.423
Tiền thuê đất (*)	8.718.543.557	1.552.999.570
<b>Cộng</b>	<b>11.357.017.346</b>	<b>4.147.518.534</b>

(\*) Theo các hợp đồng thuê đất, nhà kho:

- Hợp đồng thuê đất của Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Tổng Giám đốc (\*\*), mục đích thuê xây kho cất chứa hàng bách hóa
- Hợp đồng thuê đất số 02/HDKT-2019 ngày 05 tháng 01 năm 2019
  - + Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
  - + Theo Giấy chứng nhận số CP 544465 – CP 544466 – CP 544467 – CP 544468 – CP 544437 – CP 544438 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 05 tháng 01 năm 2019.
  - + Diện tích: 538,5 m<sup>2</sup>

- + Giá trị hợp đồng: 4.440.000.000 VND
  - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/12/2068).
  - Hợp đồng thuê đất ngày 01 tháng 6 năm 2019:
    - Địa chỉ thuê: dự án khu đô thị Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu.
    - Theo Giấy chứng nhận số CS 141329 – CS 141330 – CS 141331 – CS 141332 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 10 tháng 05 năm 2019.
    - + Diện tích: 351,2 m<sup>2</sup>
    - + Giá trị hợp đồng: 2.960.000.000 VND
    - + Thời hạn hợp đồng thuê: 588 tháng (hết hạn ngày 31/5/2069).
  - Hợp đồng thuê đất số 174/HĐKT-2018 ngày 31 tháng 7 năm 2017
    - Địa chỉ thuê: Dự án khu đô thị thứ Bảy, ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.
    - + Theo Giấy chứng nhận số CK 507114 – CK 507115 – CK 507116 do Ủy ban nhân dân huyện An Biên cấp ngày 25 tháng 08 năm 2017.
    - Diện tích: 567,1 m<sup>2</sup>
    - + Giá trị hợp đồng: 1.077.490.000 đồng.
    - + Thời hạn hợp đồng thuê: 180 tháng (hết hạn ngày 31 tháng 12 năm 2032)
- Và các hợp đồng thuê khác.

\*\* Theo Biên bản họp Hội đồng quản trị số 09/2018/BBH-HĐQT ngày 17 tháng 12 năm 2018, Hội đồng quản trị ủy quyền cho Bà Nguyễn Thị Việt Anh – Thành viên HĐQT – Tổng Giám đốc Công ty ký hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

1. Quyền sử dụng đất tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, Huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang với diện tích 567,1 m<sup>2</sup>, giá trị chuyển nhượng 1.077.490.000 đồng.
2. Quyền sử dụng đất tại ấp 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu với diện tích 901,87 m<sup>2</sup>, giá trị chuyển nhượng 7.770.000.000 đồng.

Các Quyền sử dụng đất trên đã được chuyển quyền sở hữu cho Bà Nguyễn Thị Việt Anh theo các Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, chi tiết như sau:

1. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141329 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
2. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141330 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
3. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141331 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
4. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CS 141332 ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

5. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544465 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
6. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544466 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
7. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544467 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
8. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544468 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,75 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
9. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
10. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544438 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 87,8 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
11. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507114 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
12. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507115 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.
13. Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 507116 ngày 25 tháng 8 năm 2017, tại ấp Bảy Chợ, xã Đông Thái, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang, diện tích 189,1 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài.

Tình hình biến động chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.147.518.534	2.586.583.765
Tăng trong năm	9.301.165.856	3.484.837.775
Phân bổ trong năm	(2.091.667.044)	(1.923.903.006)
<b>Số cuối năm</b>	<b>11.357.017.346</b>	<b>4.147.518.534</b>

Công ty thế chấp Giấy chứng nhận đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 544437 ngày 05 tháng 01 năm 2019, tại Khóm 2, phường Hộ Phòng, thị xã Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>, thời hạn sử dụng lâu dài do bà Nguyễn Thị Việt Anh được Công ty ủy quyền đứng tên (xem thuyết minh số V.20).

## 10. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>						
1. Số đầu năm	82.732.426.077	35.528.680.105	35.468.872.662	748.494.938	584.077.098	155.062.550.880
2. Tăng trong năm	3.104.855.974	2.836.818.182	1.665.709.091	565.200.000	-	8.172.583.247
<i>Xây dựng cơ bản hoàn thành</i>	3.104.855.974	-	-	-	-	3.104.855.974
<i>Mua sắm TSCĐ</i>	-	2.836.818.182	1.665.709.091	565.200.000	-	3.067.727.273
3. Giảm trong năm	-	-	(147.500.000)	-	-	(147.500.000)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	(147.500.000)	-	-	(147.500.000)
4. Số cuối năm	85.837.282.051	38.365.498.287	36.987.081.753	1.313.694.938	584.077.098	163.087.634.127
<i>Trong đó:</i>						
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	7.953.027.992	23.026.023.723	12.485.155.051	365.540.393	357.640.734	44.187.387.593
<b>II. Giá trị hao mòn</b>						
1. Số đầu năm	39.881.180.504	27.620.767.206	20.508.187.578	603.410.580	549.692.098	89.163.237.966
2. Tăng trong năm	3.909.138.523	1.566.769.636	2.055.784.584	366.151.512	6.348.000	7.904.192.255
<i>Tăng do khấu hao</i>	3.909.138.523	1.566.769.636	2.055.784.584	366.151.512	6.348.000	7.904.192.255
3. Giảm trong năm	-	-	(147.500.000)	-	-	(147.500.000)
<i>Giảm do thanh lý</i>	-	-	(147.500.000)	-	-	(147.500.000)
4. Số cuối năm	43.790.319.027	29.187.536.842	22.416.472.162	969.562.092	556.040.098	96.919.930.221
<b>III. Giá trị còn lại</b>						
1. Tại ngày đầu năm	42.851.245.573	7.907.912.899	14.960.685.084	145.084.358	34.385.000	65.899.312.914
2. Tại ngày cuối năm	42.046.963.024	9.177.961.445	14.570.609.591	344.132.846	28.037.000	66.167.703.906
<i>Trong đó:</i>						
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-	-	-	-

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 3.434.294.946 VND (Xem thuyết minh số V.20.

- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai.

## 11. Tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
<b>I. Nguyên giá</b>			
1. Số đầu năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
2. Tăng trong năm	-	-	-
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	36.299.745.183	849.221.480	37.148.966.663
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	849.221.480	849.221.480
<b>II. Giá trị hao mòn</b>			
1. Số đầu năm	623.133.458	849.221.480	1.472.354.938
2. Tăng trong năm	83.494.868	-	83.494.868
<i>Tăng do khấu hao</i>	83.494.868	-	83.494.868
3. Giảm trong năm	-	-	-
4. Số cuối năm	706.628.326	849.221.480	1.555.849.806
<b>III. Giá trị còn lại</b>			
1. Tại ngày đầu năm	35.676.611.725	-	35.676.611.725
2. Tại ngày cuối năm	35.593.116.857	-	35.593.116.857
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tạm thời chưa sử dụng</i>	-	-	-
<i>Đang chờ thanh lý</i>	-	-	-

*Trong đó:*

- Giá trị còn lại của tài sản dùng để đảm bảo khoản vay với số tiền 7.129.261.644 VND.

- Không có các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn trong tương lai.

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Nhà kho Năm Căn	882.613.000	212.344.400	-	1.094.957.400
Nhà kho Bạc Liêu	-	3.104.855.974	(3.104.855.974)	-
Mua sắm TSCĐ	-	290.594.304	-	290.594.304
<b>Cộng</b>	<b>882.613.000</b>	<b>4.971.129.769</b>	<b>(3.104.855.974)</b>	<b>1.385.551.704</b>

Công ty đã thế chấp, cầm cố công trình xây dựng dở dang với giá trị theo sổ sách tại ngày kết thúc kỳ kế toán với số tiền 0 VND (cuối năm trước là 0 VND) để đảm bảo cho các khoản vay.

Tổng chi phí lãi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ với số tiền 0 VND

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>88.369.468.480</i>	<i>103.931.037.120</i>
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Công ty mẹ	49.360.327.010	34.535.302.020
Công ty TNHH TM & DV Long Hưng – Chi nhánh Cà Mau – CN của Công ty mẹ	39.009.141.470	69.395.735.100
<i>Phải trả nhà cung cấp khác</i>	<i>121.752.482.763</i>	<i>111.525.210.152</i>
Công ty TNHH Quốc tế Unilever Việt Nam	23.172.970.900	41.088.219.640
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty 28	20.803.452.140	16.925.924.774
Công ty TNHH Totalgas Việt Nam	8.015.578.659	7.834.879.155
Các khách hàng khác	69.760.481.064	45.676.186.583
<b>Cộng</b>	<b><u>210.121.951.243</u></b>	<b><u>215.456.247.272</u></b>

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

## 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Người mua trả tiền trước các bên liên quan</i>	-	-
<i>Người mua trả tiền trước nhà cung cấp khác</i>	<i>1.259.826.117</i>	<i>1.489.812.593</i>
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến thiết Bạc Liêu	910.000.000	910.000.000
Công ty TNHH Gallant Ocean Việt Nam – CN Cà Mau	119.000.000	-
Các khách hàng khác	230.826.117	579.812.593
<b>Cộng</b>	<b><u>1.259.826.117</u></b>	<b><u>1.489.812.593</u></b>

## 15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Chi tiêu	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải thu	Phải nộp	Số phải nộp	Số thực nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế giá trị gia tăng	-	2.391.661.547	14.356.487.883	(16.306.532.098)	-	441.617.332
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	4.188.589.950	7.873.502.415	(8.026.925.079)	-	4.035.167.286
Thuế thu nhập cá nhân	-	127.945.236	1.369.730.137	(1.408.106.590)	-	89.568.783
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	1.921.198.167	(1.921.198.167)	-	-
Các loại thuế khác	-	-	56.000.000	(56.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	-	<b>6.708.196.733</b>	<b>25.576.918.602</b>	<b>(27.718.761.934)</b>	-	<b>4.566.353.401</b>

*Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 5%, 10%.

*Thuế Thu nhập doanh nghiệp*

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

*Thuế nhà đất*

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

*Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

## 16. Phải trả người lao động

Chi tiết	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền lương phải trả	20.802.946.817	22.400.246.487
Tiền thưởng phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>20.802.946.817</u></b>	<b><u>22.400.246.487</u></b>

## 17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Chi phí phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Chi phí phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>2.293.522.914</i>	<i>2.707.685.196</i>
Chi phí lãi vay phải trả	387.176.663	302.718.153
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.906.346.251	2.404.967.043
<b>Cộng</b>	<b><u>2.293.522.914</u></b>	<b><u>2.707.685.196</u></b>

## 18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các bên liên quan</i>	-	-
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan đến các tổ chức và cá nhân khác</i>	872.603.954	926.866.853
Chênh lệch giữa giá bán hàng bán trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay	872.603.954	926.866.853
<b>Cộng</b>	<b>872.603.954</b>	<b>926.866.853</b>

Công ty không có Hợp đồng có khả năng không thực hiện được.

## 19. Phải trả ngắn hạn khác

## 19a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	3.526.463.611	6.631.165.002
Tài sản thừa chờ xử lý	81.627.961	106.456.520
Phải trả cổ tức	2.635.960.480	2.113.387.380
Phải trả khác	808.875.170	4.411.321.102
<b>Cộng</b>	<b>3.526.463.611</b>	<b>6.631.165.002</b>

## 19b. Phải trả dài hạn khác

Là khoản phải trả tiền đặt cọc cho thuê nhà.

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	450.000.000	-
Nhận ký quỹ, ký cược	450.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>450.000.000</b>	<b>-</b>

## 19c. Nợ quá hạn thanh toán

Tập đoàn không có Nợ quá hạn thanh toán.

## 20. Vay và nợ thuê tài chính

## 20a. Vay ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>	-	-	-	-
<i>Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	303.600.985.788	303.600.985.788	272.292.872.817	272.292.872.817
Vay ngắn hạn ngân hàng	302.400.985.788	302.400.985.788	272.292.872.817	272.292.872.817
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương - CN Cà Mau <sup>(1)</sup>	182.845.920.054	182.845.920.054	198.425.089.374	198.425.089.374
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau <sup>(2)</sup>	74.288.900.673	74.288.900.673	71.751.165.643	71.751.165.643
Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - CN Cà Mau <sup>(3)</sup>	13.400.000.000	13.400.000.000	2.116.617.800	2.116.617.800
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN HCM <sup>(4)</sup>	31.866.165.061	31.866.165.061	-	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-
Công ty CP Hữu hạn Vedan Việt Nam	1.200.000.000	1.200.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>303.600.985.788</b>	<b>303.600.985.788</b>	<b>272.292.872.817</b>	<b>272.292.872.817</b>

<sup>(1)</sup>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng cấp tín dụng số 34-2018/HĐ-CMA-QLN ngày 03 tháng 12 năm 2018 (kèm theo HĐ cấp tín dụng số 35-2018/HĐ-CMA-QLN Ngày 3 tháng 12 năm 2018).

- Giới hạn cấp tín dụng: 200.000.000.000 VND.
- Mục đích vay: tài trợ các nhu cầu tín dụng ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Thời hạn duy trì 12 tháng.
- Tài sản đảm bảo (xem thuyết minh mục V.9, V.10, V.11):

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AN 512589 do UBND tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01 tháng 12 năm 2008, thửa đất số 775, tờ bản đồ số 05, địa chỉ khu 1, thị trấn Vĩnh Châu, huyện Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng, diện tích 211,5 m<sup>2</sup> theo HĐTC số 44-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 01 tháng 6 năm 2018.

+ Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 537991 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 04 tháng 6 năm 2018), thửa đất số 1368, tờ bản đồ số 1, địa chỉ ấp Tắc Thủ, xã Hồ Thị Kỳ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.697,9 m<sup>2</sup>.

- Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BA 487003 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 24 tháng 12 năm 2009, thửa đất số 1110, tờ bản đồ số 2, địa chỉ ấp Lý Ân, xã Hưng Mỹ, huyện Cái Nước, tỉnh Cà Mau, diện tích 1.870 m<sup>2</sup> theo Hợp đồng thế chấp số 46-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 06 tháng 6 năm 2018.

+ Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406710 do UBND tỉnh Bạc Liêu cấp ngày 04 tháng 10 năm 2010 (đăng ký thay đổi ngày 10 tháng 12 năm 2010), thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ tại khu dân cư Đại Lộc, ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích 99,7 m<sup>2</sup>.

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số BC 406714 do UBND tỉnh Cà Mau cấp ngày 08 tháng 11 năm 2010, thửa đất số 241, tờ bản đồ số 8-1, địa chỉ: ấp 2, thị trấn Hộ Phòng, huyện Giá Rai, tỉnh Bạc Liêu, diện tích: 874,2 m<sup>2</sup>.

+ Và căn nhà có diện tích xây dựng 99,7 m<sup>2</sup>, diện tích sàn 362,7 m<sup>2</sup>, nhà cấp III, 3 tầng được xây dựng trên thửa đất số 168, tờ bản đồ số 8-1 theo Hợp đồng thế chấp số 48-2018/HĐ-VCB-KHDN ngày 12 tháng 6 năm 2018.

= Hợp đồng cầm cố tiền gửi có kỳ hạn số 22-2018/HĐ-CMA-QLN ngày 17 tháng 10 năm 2018, trị giá: 10.000.000.000 VND.

<sup>2)</sup> Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau

Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số: 86005000/2019-HDCVHM/NHCT1850-CYTHUONGNGHIEP ngày 03 tháng 6 năm 2019.

- Hạn mức vay: 80.000.000.000 đồng
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ.
- Vay bằng tín chấp.

<sup>3)</sup> Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Cà Mau

Là khoản vay theo hợp đồng hạn mức thấu chi số CMU201912820261/HĐHMTTC ngày 28 tháng 12 năm 2019 của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Cà Mau

- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động
- Hạn mức thấu chi: 15.600.000.000 VND
- Thời hạn vay: 12 tháng
- Tài sản đảm bảo (xem thuyết minh V.8): Theo hợp đồng thế chấp số CMU201812350012/HĐTC và phụ lục hợp đồng số CMU201812350012/HĐTC/PL.02 ngày 28 tháng 12 năm 2018 của ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Cà Mau; Tài sản thế chấp gồm toàn bộ hàng hoá đã, đang và sẽ hình thành thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Bách Việt. Giá trị hàng tồn kho thế chấp với số tiền 32.904.078.276 VND (xem thuyết minh V.8).

<sup>4)</sup> Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN HCM

Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 111/2019/HĐTD ngày 1 tháng 7 năm 2019

- Hạn mức vay: 100.000.000.000 VND
- Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh.
- Lãi suất theo từng hợp đồng tín dụng cụ thể
- Thời hạn vay theo từng giấy nhận nợ.
- Vay bằng tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

Chi tiết	Kết chuyển từ		Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	vay và nợ dài hạn		
Vay ngắn hạn ngân hàng	272.292.872.817	-	2.378.051.000.973	302.400.985.788
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Cà Mau	198.425.089.374	-	1.735.793.399.813	182.845.920.654
Ngân hàng TMCP Công Thương - CN Cà Mau	71.751.165.643	-	374.650.819.879	74.288.900.673
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Cà Mau	2.116.617.800	-	166.912.888.575	13.406.000.000
Ngân hàng TMCP Hàng Hải VN - CN HCM	-	-	100.693.892.706	31.866.165.061
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	-	1.200.000.000	-	(2.000.000.000)
Công ty CP HH Vedan Việt Nam	-	1.200.000.000	-	1.200.000.000
<b>Cộng</b>	<b>272.292.872.817</b>	<b>1.200.000.000</b>	<b>2.378.051.000.973</b>	<b>303.600.985.788</b>

#### 20b. Vay dài hạn

Chi tiết	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các bên liên quan	-	-	-	-
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác	-	-	-	-
Vay dài hạn các tổ chức khác	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
Công ty Cổ phần Hữu hạn Vedan VN <sup>1)</sup>	1.100.000.000	1.100.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>1.100.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

<sup>(\*)</sup> Khoản vay theo hợp đồng vay tiền số 0086/2019-HDVT ngày 6 tháng 5 năm 2019

- Mục đích vay: bổ sung vốn lưu động.
- Lãi suất: 0%/năm.
- Thời hạn vay 30 tháng.
- Tài sản đảm bảo: 6 chiếc xe tải nhỏ (xem thuyết minh số V.10, VIII.7).

Chi tiết như sau:

Tên Tài sản	Nguyên giá	Giá trị còn lại
000101 - Xe tải ISUZU QKR55H 2,2T 69C 042.27	422.736.364	348.757.501
000102 - Xe tải ISUZU QKR77HE4 2,3T 51D 430.02	484.206.364	423.684.319
000103 - Xe tải ISUZU QKR77HE4 2,3T 51D 431.89	484.206.364	423.684.319
000104 - Xe tải ISUZU NPR85KE4 3,5T 51D 438.44	650.363.636	579.907.575
000105 - Xe tải ISUZU NPR75ME4 5,7T 51D 438.57	745.130.909	644.408.394
000106 - Xe tải ISUZU NPR75ME4 5,7T 51D 438.97	745.130.909	644.408.394
<b>Cộng</b>	<b>3.531.774.546</b>	<b>3.064.850.502</b>

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số tiền vay đã trả trong năm	Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	Số cuối năm
Vay dài hạn các tổ chức khác	-	3.000.000.000	(700.000.000)	(1.200.000.000)	1.100.000.000
Công ty CP Hữu Hạn VEDAN VN	-	3.000.000.000	700.000.000	1.200.000.000	1.100.000.000
<b>Cộng</b>	-	<b>3.000.000.000</b>	<b>(700.000.000)</b>	<b>(1.200.000.000)</b>	<b>1.100.000.000</b>

#### 20c Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

#### 21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận <sup>(*)</sup>	Giảm khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	1.632.577.885	1.858.501.365	(4.841.519)	(1.355.401.322)	2.130.836.409
Quỹ phúc lợi	837.559.860	913.917.818	(4.841.519)	(1.327.768.371)	418.867.788
Quỹ thưởng Ban Điều hành	282.450.867	31.614.151		(31.614.151)	282.450.867
<b>Cộng</b>	<b>2.752.588.612</b>	<b>2.804.033.334</b>	<b>(9.683.038)</b>	<b>(2.714.783.844)</b>	<b>2.832.155.064</b>

<sup>(\*)</sup> Chi tiết Quỹ khen thưởng, phúc lợi tăng lợi nhuận trong năm:

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của Tập đoàn	Tăng do trích lập từ lợi nhuận của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Quỹ khen thưởng	1.697.175.751	161.325.614	1.858.501.365
Quỹ phúc lợi	752.592.204	161.325.614	913.917.818
Quỹ thưởng Ban Điều hành	17.387.783	14.226.368	31.614.151
<b>Cộng</b>	<b>2.467.155.738</b>	<b>336.877.596</b>	<b>2.804.033.334</b>

22. **Vốn chủ sở hữu**22a. **Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
A	1	2	3	4	5	6	7
Số dư đầu năm trước	121.039.120.000	1.750.000.000	1.231.725.000	23.688.234.335	18.780.142.192	7.493.765.834	173.982.987.361
Tăng trong năm trước	-	-	406.065.000	2.456.841.650	20.554.164.539	1.762.263.680	25.179.334.870
Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(17.941.151.205)	(1.334.985.745)	(19.276.136.950)
Số dư cuối năm trước, đầu năm nay	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	26.145.075.985	21.393.155.526	7.921.043.769	179.886.185.280
Tăng trong năm	-	-	-	2.456.841.650	16.736.932.928	1.613.256.141	20.600.118.438
Giảm trong năm	-	-	-	-	(16.815.671.437)	(1.678.140.228)	(18.493.811.665)
Số dư cuối năm	121.039.120.000	1.750.000.000	1.637.790.000	28.395.005.354	21.314.417.017	7.856.159.682	181.992.492.053

22b. **Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu**

Chi tiết	Tỷ lệ	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số đầu năm
Công ty TNHH TM và DV Long Hung	51,00%	61.729.960.000	36,63%	44.334.250.000
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	24,26%	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000
Cổ đông khác	24,74%	29.948.920.000	39,12%	47.344.630.000
<b>Cộng</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy phép hoạt động kinh doanh		Vốn điều lệ đã góp VND	Vốn điều lệ còn phải góp VND
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH TM và DV Long Hung	44.334.250.000	51,00%	44.334.250.000	-
Tổng Công ty Dầu Việt Nam	29.360.240.000	24,26%	29.360.240.000	-
Các Cổ đông khác	29.948.920.000	24,74%	29.948.920.000	-
<b>Cộng</b>	<b>121.039.120.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>121.039.120.000</b>	-

Ngày 30 tháng 01 năm 2019, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hung đã sở hữu 6.172.996 cổ phiếu, tương ứng 51,00% vốn điều lệ Công ty (công ty mẹ).

22c. **Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm nay	Năm trước
- Vốn góp của chủ sở hữu	-	-
+ Vốn góp đầu năm	121.039.120.000	121.039.120.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	121.039.120.000	121.039.120.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	(12.103.912.000)	(18.163.294.695)



22d. **Cổ phiếu**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.103.912	12.103.912
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	12.103.912	12.103.912
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>12.103.912</i>	<i>12.103.912</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (đồng/cổ phiếu)	10.000	10.000

22e. **Cổ tức**

Cổ tức được chia theo Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông hàng năm. Cổ tức năm nay được chia theo Nghị quyết số 01/NQ-ĐHĐ-2019 ngày 04 tháng 5 năm 2019. Trong năm, Công ty chi trả cổ tức 10% còn lại của năm 2018.

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Cổ tức đã công bố và đã trả trong năm	(12.103.912.000)	(14.073.903.395)
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	<i>(12.103.912.000)</i>	<i>(14.073.903.395)</i>
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức đã công bố sau sau ngày kết thúc kỳ kế toán	-	(6.051.956.000)
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông</i>	-	<i>(6.051.956.000)</i>
+ <i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận	-	-

22f. **Phân phối lợi nhuận**

Số dư đầu năm	21.393.155.526
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.736.932.928
Phân phối trong năm:	(16.815.671.437)
- <i>Quý khen thưởng</i>	<i>1.697.173.751</i>
- <i>Quý phúc lợi</i>	<i>752.592.204</i>
- <i>Thưởng Ban Điều hành vượt KH năm 2018</i>	<i>17.387.783</i>
- <i>Quý đầu tư phát triển</i>	<i>2.252.592.204</i>
- <i>Chia cổ tức 2018</i>	<i>12.103.912.000</i>
- <i>Giảm Quý khen thưởng, phúc lợi 2018</i>	<i>(7.988.505)</i>
<b>Lợi nhuận chưa phân phối cuối năm</b>	<b><u>21.314.417.017</u></b>

22g. **Lợi ích cổ đông không kiểm soát**

Lợi ích cổ đông không kiểm soát thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông không kiểm soát trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông không kiểm soát như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	7.921.043.769	7.493.765.834
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.613.256.141	1.762.263.680
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(1.678.140.228)	(1.334.985.745)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>7.856.159.682</u></b>	<b><u>7.921.043.769</u></b>

23. **Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Gốc ngoại tệ</u>	<u>VND</u>	<u>Gốc ngoại tệ</u>	<u>VND</u>
Nợ khó đòi đã xử lý		14.176.340.328		14.194.004.328
Ngoại tệ các loại (USD)	-	-	542,83	8.687.342

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu bán hàng bách hóa	3.246.868.498.925	3.025.475.843.459
Doanh thu bán xăng dầu	1.166.995.973.969	1.315.805.447.972
Doanh thu khác	314.949.447.144	315.568.368.459
<b>Cộng</b>	<b><u>4.728.813.920.038</u></b>	<b><u>4.656.849.659.890</u></b>

#### 1b Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty liên doanh, liên kết. Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng – Công ty mẹ	722.554.211.991	932.682.952.027
<b>Cộng</b>	<b><u>722.554.211.991</u></b>	<b><u>932.682.952.027</u></b>

### 2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hàng bán bị trả lại	37.134.286	80.016.461
<b>Cộng</b>	<b><u>37.134.286</u></b>	<b><u>80.016.461</u></b>

### 3. Giá vốn bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn hàng bán hàng bách hóa	3.141.863.263.584	2.925.508.155.662
Giá vốn hàng bán xăng dầu	1.116.891.719.037	1.254.491.061.705
Giá vốn khác	291.007.735.322	291.865.858.315
(Hoàn nhập)/ Chi phí dự phòng	(682.330.091)	682.330.091
<b>Cộng</b>	<b><u>4.549.080.387.852</u></b>	<b><u>4.472.547.405.773</u></b>

### 4. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chiết khấu thanh toán	5.047.761.470	5.550.782.565
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.406.359.631	1.770.092.771
Lãi bán hàng trả chậm	482.737.899	639.387.653
Cổ tức, lợi nhuận được chia	140.105.256	61.200.000
<b>Cộng</b>	<b><u>8.076.964.256</u></b>	<b><u>8.021.462.989</u></b>

### 5. Chi phí hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền vay	16.611.045.901	14.154.462.229
Dự phòng/ (hoàn nhập) giảm giá các khoản đầu tư	(52.523.000)	(495.666.683)
Chi phí tài chính khác	247.384.582	219.896.700
<b>Cộng</b>	<b><u>16.805.907.483</u></b>	<b><u>13.878.692.246</u></b>

### 6. Chi phí bán hàng

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	92.842.712.564	86.827.929.929
Chi phí vật liệu, bao bì	7.212.154.007	7.910.968.618
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.027.936.640	1.987.627.137
Chi phí khấu hao TSCĐ	6.285.100.566	5.981.224.999
Chi phí mua ngoài	33.454.131.211	34.302.738.161
Chi phí khác bằng tiền	6.971.691.574	6.934.493.433
<b>Cộng</b>	<b><u>147.793.726.562</u></b>	<b><u>143.944.982.277</u></b>

### 7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	13.355.193.154	16.052.653.959
Chi phí vật liệu quản lý	218.560.432	294.288.720
Chi phí khấu hao TSCĐ	141.259.052	80.003.742
Thuế, phí, lệ phí	3.275.668.057	3.764.740.940
Chi phí dự phòng	336.297.809	2.732.697.321
Chi phí mua ngoài	1.324.304.779	2.562.458.992
Chi phí khác bằng tiền	6.177.540.438	7.070.757.273
<b>Cộng</b>	<b><u>24.828.823.721</u></b>	<b><u>32.557.600.947</u></b>

## 8. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu từ các khoản thưởng, hỗ trợ	26.548.053.107	28.931.648.008
Thu từ thanh lý tài sản	9.000.000	13.522.727
Thu từ các khoản nợ đã xóa	18.664.000	37.158.000
Thu nhập khác	1.313.616.969	121.823.148
<b>Cộng</b>	<b>27.889.334.076</b>	<b>29.104.151.883</b>

## 9. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Phạt vi phạm hành chính	8.076.576	100.457.394
Chi phí khác	2.470.406	1.092.593
<b>Cộng</b>	<b>10.546.982</b>	<b>101.549.987</b>

## 10. Thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được tạm tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>26.223.691.484</b>	<b>30.905.952.071</b>
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
Các khoản điều chỉnh tăng	13.283.925.844	11.101.825.905
Chi phí không được trừ khi xác định TN chịu thuế	277.981.785	325.475.113
Tiền thù lao HĐQT, BKS không trực tiếp điều hành	450.000.000	282.000.000
Chi phí lãi vay loại trừ theo Nghị định 20/2017/NĐ-CP	12.555.944.059	10.494.350.792
Các khoản điều chỉnh giảm	(140.105.256)	(61.200.000)
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(140.105.256)	(61.200.000)
Thu nhập chịu thuế	39.367.512.072	41.946.577.976
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.873.502.415	8.389.315.595
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp truy thu	-	200.208.257
<b>Chi phí Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>7.873.502.415</b>	<b>8.589.523.852</b>

## 11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân công	106.197.905.718	102.880.583.888
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	8.458.651.079	10.192.884.475
Chi phí khấu hao TSCĐ	7.987.687.123	6.873.946.237
Chi phí dịch vụ mua ngoài	34.778.435.990	36.865.197.153
Chi phí khác bằng tiền	16.424.900.069	17.769.991.646
<b>Cộng</b>	<b>173.847.579.979</b>	<b>174.582.603.399</b>

## 12. Lãi trên cổ phiếu

## 12a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	16.736.932.928	20.554.164.539
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi <sup>(*)</sup>	(1.916.636.067)	(2.461.447.862)
Quỹ thưởng HĐQT, BDH	-	(17.387.783)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.820.296.861	18.092.716.677
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.103.912	12.103.912
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.224</b>	<b>1.495</b>

<sup>(\*)</sup> Tập đoàn tạm tính theo kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2019, căn cứ Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ-ĐHĐ-2019 ngày 04 tháng 05 năm 2019. Chi tiêu lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ điều chỉnh khi có Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2020.

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	12.103.912	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành	-	-
...	-	-
<b>Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm</b>	<b>12.103.912</b>	<b>12.103.912</b>

12b. *Lãi suy giảm trên cổ phiếu*

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	14.820.296.861	18.092.716.677
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận:	-	-
<i>Ảnh hưởng sau thuế của lãi trái phiếu có thể chuyển đổi</i>	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	14.820.296.861	18.092.716.677
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.103.912	12.103.912
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.224</b>	<b>1.495</b>

*Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:*

	Năm nay	Năm trước
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.103.912	12.103.912
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.	-	-
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	12.103.912	12.103.912

## VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (ĐVT: VND)

### 1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm Tập đoàn phát sinh các giao dịch không bằng tiền như sau:

	Năm nay	Năm trước
Chuyển lợi nhuận được chia thành vốn chủ sở hữu	-	461.725.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>461.725.000</b>

### 2. Các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng

Tập đoàn, không phát sinh các khoản tiền và tương đương tiền Tập đoàn đang nắm giữ nhưng không được sử dụng.

### 3. Thu tiền từ đi vay

Tiền thu từ đi vay là tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

### 4. Tiền trả nợ gốc vay

Tiền trả nợ gốc vay là tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường (xem thuyết minh số V.20).

## VIII. THÔNG TIN BỔ SUNG KHÁC (ĐVT: VND)

### 1. Tài sản tiềm tàng

Tập đoàn không có tài sản tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 2. Nợ tiềm tàng

Tập đoàn không có nợ tiềm tàng ảnh hưởng đến báo cáo tài chính hợp nhất cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

### 3. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

Chi tiết	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	6.130.636.368	5.239.636.368
Trên 1 năm đến 5 năm	22.621.745.472	20.958.545.472
Trên 5 năm	-	-
<b>Cộng</b>	<b>28.752.381.840</b>	<b>26.198.181.840</b>

Tổng số tiền thuê phát sinh thêm được ghi nhận là doanh thu trong năm là 5.338.636.368 VND (năm trước là 5.239.636.368 VND).

### 4. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

#### a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành.

Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

Chi tiết	Năm nay	Năm trước
<i>Lưu Hoàng Thông – P.TGD</i>		
- Tạm ứng	54.700.000	295.570.000
- Hoàn ứng	(41.890.000)	-

### Cam kết bảo lãnh

Công ty không có dùng tài sản cố định, hàng tồn kho,... để bảo đảm cho khoản vay các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt cũng không có dùng tài sản của mình để đảm bảo vay cho công ty (xem thuyết minh số V.20).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày trong các thuyết minh ở Mục V.

Các khoản công nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

*Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt<sup>(1)</sup>*

	Năm nay	Năm trước
Lương, thưởng và phúc lợi khác	3.147.147.481	3.773.068.871
Cổ tức nhận được	632.673.000	804.089.500
<b>Cộng</b>	<b>3.779.820.481</b>	<b>4.577.158.371</b>

<sup>(1)</sup> Các thành viên chủ chốt là các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành.

### Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn theo quy định bao gồm:

Các công ty liên doanh, cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ, các doanh nghiệp do các nhân viên quản lý chủ chốt

Và các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Long Hưng	Công ty mẹ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

	Năm nay	Năm trước
Mua hàng hóa	794.809.633.190	1.025.951.247.230
Trả tiền mua hàng	(810.371.201.830)	(1.045.912.140.500)

### 7. Tài sản đảm bảo

#### Tài sản thế chấp cho đơn vị khác

- Tập đoàn cầm cố số tiền gửi có kỳ hạn với số tiền 10.000.000.000 VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.2a V.20);

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – chi nhánh Cà Mau (xem thuyết minh số V.9, V.10, V.11 và V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 7.498.706.088 VND (số đầu năm là 7.572.831.286 VND);

- Công ty thế chấp Tài sản cố định hữu hình là 6 chiếc xe tải nhỏ để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Hữu hạn Vedan với giá trị tài sản còn lại 3.064.850.502 VND (xem thuyết minh số V.10, V.20);

- Hàng tồn kho hàng tồn kho để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam – CN Cà Mau (xem thuyết minh số V.8, V.20). Giá trị sổ sách của tài sản thế chấp tại ngày kết thúc năm tài chính là 32.904.078.276 VND (số đầu năm là 32.834.946.143 VND).

Tập đoàn sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

#### Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Tập đoàn không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2019.

### 8. Thông tin về hoạt động liên tục

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn. Do vậy, Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Tập đoàn hoạt động kinh doanh liên tục.

### 9. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Theo Nghị quyết số 03/NQ-HDQT-2019 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau ngày 09 tháng 9 năm 2019 về việc thông qua giải thể chi nhánh Công ty Cổ phần Thương nghiệp Cà Mau tại Đồng Tháp, chi nhánh này sẽ được giải thể trong năm sau.

Cà Mau, ngày 20 tháng 3 năm 2020.

Người lập biểu  
  
 PHÙNG CHÍ ANH

Kế toán trưởng  
  
 PHÙNG CHÍ ANH

Tổng Giám đốc  
  
  
 NGUYỄN THỊ VIỆT ANH



Cà Mau, ngày 14 tháng 4 năm 2020

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT**

TỔNG GIÁM ĐỐC   
  
  
*Nguyễn Thị Việt Anh*